

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Phạm Thị Thu Hiền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT TRONG TRUYỆN ĐỒNG THOẠI
ĐỂ MÈN PHIÊU LƯU KÝ CỦA TÔ HOÀI

Mã sinh viên: 2552020356

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Phạm Thị Thu Hiền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT TRONG TRUYỆN ĐỒNG THOẠI
ĐỂ MÈN PHIÊU LƯU KÝ CỦA TÔ HOÀI

Mã sinh viên: 2552020356

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thu

NINH BÌNH, 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan khóa luận tốt nghiệp: ***Không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại Để Mèn phiêu lưu ký của Tô Hoài*** là một công trình nghiên cứu độc lập không có sự sao chép của người khác. Nội dung khóa luận có tham khảo và sử dụng các tài liệu, thông tin được đăng tải trên các tác phẩm, tạp chí theo danh mục tài liệu tham khảo của khóa luận. Những vấn đề trình bày là trung thực và chưa từng được công bố dưới bất kỳ hình thức nào như tạp chí, ấn phẩm hay công trình nghiên cứu khoa học.

Ninh Bình, ngày 12 tháng 05 năm 2025

Người thực hiện

Phạm Thị Thu Hiền

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Đề tài: *Không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại Dế Mèn phiêu lưu ký của Tô Hoài* của sinh viên **Phạm Thị Thu Hiền** là công trình nghiên cứu không trùng lặp và chưa được công bố dưới bất kỳ hình thức nào. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Ninh Bình, ngày 12 tháng 05 năm 2025

Người hướng dẫn khoa học

ThS. Nguyễn Thị Thu

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	5
3.1. Mục đích nghiên cứu	5
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
4.1. Đối tượng nghiên cứu	5
4.2. Phạm vi nghiên cứu	6
5. Phương pháp nghiên cứu	6
5.1. Phương pháp thống kê, phân loại	6
5.2. Phương pháp phân tích, tổng hợp	6
5.3. Phương pháp so sánh, đối chiếu	6
5.4. Phương pháp nghiên cứu thi pháp học	6
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn	6
6.1. Ý nghĩa khoa học	6
6.2. Ý nghĩa thực tiễn	6
Chương 1. Giới thuyết về không gian nghệ thuật	7
1.1. Không gian	7
1.2. Không gian nghệ thuật	8
1.2.1. Khái niệm không gian nghệ thuật	8
1.2.2. Ý nghĩa của không gian nghệ thuật trong kết cấu nghệ thuật của tác phẩm văn học	9
1.2.3. Không gian nghệ thuật trong văn học thiếu nhi hiện đại	12
Kết luận chương 1	18
Chương 2. Không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại <i>Đế mèn phiêu lưu ký</i> của Tô Hoài	19
2.1. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Tô Hoài	19
2.1.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Tô Hoài	19
2.1.2. Truyện đồng thoại <i>Đế Mèn phiêu lưu ký</i>	22
2.2. Không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại <i>Đế Mèn phiêu lưu ký</i> của Tô Hoài	23

2.2.1. Không gian đời thường	23
2.2.2. Không gian phiêu lưu	31
2.2.3. Không gian tâm lí	40
Kết luận chương 2	49
KẾT LUẬN	50
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	52

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Không gian nghệ thuật trong văn học là một dạng thức của hình tượng nghệ thuật, là một bình diện biểu hiện hình thức bên trong tác phẩm, góp phần thể hiện tính xác định và tính chỉnh thể của tác phẩm. Không gian nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo của nhà văn nhằm biểu hiện con người và thể hiện một quan niệm nhất định về cuộc sống, trong những khoảng cách, góc nhìn và kênh thẩm mỹ nào đó. Vì vậy, không có hình tượng nghệ thuật nào, nhân vật nào lại không gắn với một không gian nghệ thuật.

Nhà văn Tô Hoài với sự nghiệp văn học đồ sộ có gần 200 tác phẩm, song *Đế Mèn phiêu lưu ký* - cuốn truyện đồng thoại được ông viết khi còn ở tuổi đôi mươi hiện vẫn là tác phẩm được biết đến nhiều nhất và được đọc nhiều nhất của ông. Nói đến Tô Hoài bạn đọc nhớ ngay tới *Đế Mèn phiêu lưu ký*, không chỉ thu hút độc giả trong nước cuốn truyện hấp dẫn này còn được dịch ra nhiều thứ tiếng và được bạn bè quốc tế (cả trẻ em và người lớn) đón nhận nồng nhiệt. Năm 2006, Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đã trao tặng nhà văn Tô Hoài bằng chứng nhận “*Nhà văn Tô Hoài với tác phẩm Đế Mèn phiêu lưu ký được dịch nhiều thứ tiếng nhất*”.

Trong tác phẩm, nhân vật Đế Mèn là hình tượng trung tâm giàu ý nghĩa. Với phong cách riêng biệt, cảm hứng nhân văn đời thường, vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục tập quán của nhiều vùng miền, bút pháp đặc sắc, lối trần thuật hóm hỉnh sinh động, vốn từ vựng giàu có, giàu chất thơ và đặc biệt là khả năng quan sát độc đáo của nhà văn, cùng với những bài học giáo dục sâu sắc, truyện đồng thoại *Đế Mèn phiêu lưu ký* không chỉ nhận được sự yêu mến của độc giả mà còn được trích đoạn để đưa vào chương trình bậc học Tiểu học, cụ thể là bài tập đọc: *Trên chiếc bè*, Sách giáo khoa Tiếng Việt 2, tập 1 (Bộ sách Cánh Diều), NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh; *Đế Mèn bệnh vực kẻ yếu*, Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam; *Tôi sống độc lập từ thuở bé*, Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5, tập 1 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), NXB Giáo dục Việt Nam.

Chọn đề tài “**Không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại *Đế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài**” để nghiên cứu, chúng tôi hy vọng có được cái nhìn sâu rộng hơn về sáng tác của nhà văn. Đồng thời góp thêm tiếng nói khẳng định tài năng, vị trí cũng như những đóng góp của ông đối với văn học thiếu nhi nói riêng và văn học Việt Nam nói chung.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tô Hoài là nhà văn có đóng góp quan trọng cho nền văn học nước nhà, là tác giả nổi tiếng chiếm được nhiều tình cảm không chỉ của các bạn đọc nhỏ tuổi mà còn được nhiều bạn đọc người lớn yêu thích với hàng loạt các tác phẩm đặc sắc như: *Võ sĩ Bọ Ngựa*, *Đám cưới chuột*, *Vợ chồng A Phủ*, *Kim Đồng*, *Vườn A Dính*... Đặc biệt là truyện đồng thoại *Đế Mèn phiêu lưu ký* (1941). Vì vậy sáng tác của Tô Hoài đã thu hút nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu cũng như những người yêu thích truyện quan tâm tìm hiểu. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập những nội dung liên quan trực tiếp đến đề tài là các bài viết, bài nghiên cứu về tác phẩm của Tô Hoài nói chung và truyện đồng thoại *Đế Mèn phiêu lưu ký* nói riêng.

Nghiên cứu về truyện viết cho thiếu nhi của Tô Hoài, luận văn thạc sĩ *Phong cách Tô Hoài qua truyện viết cho thiếu nhi* của Phạm Thị Vân Anh đã khẳng định: “*Tô Hoài đã để lại một sự nghiệp văn chương mang nhiều màu sắc khác nhau. Ông đã khẳng định được vị thế của mình trong nền văn học Việt Nam hiện đại, trong đó mảng truyện viết cho thiếu nhi chiếm một vị trí đặc biệt ấn tượng. Với lối văn dí dỏm, tinh quái đầy những phong vị và màu sắc của trẻ thơ, Tô Hoài đã chinh phục bạn nhỏ bằng những câu chuyện chân thực gần gũi mà sâu lắng*” [1].

Luận văn thạc sĩ của tác giả Cao Minh Hằng *Nhà văn Tô Hoài với mảng truyện đồng thoại* đã giới thiệu khái quát những sáng tác của Tô Hoài về loài vật, bóng dáng con người trong thế giới loài vật. Đặc biệt, tác giả đi sâu vào những sáng tạo về phương diện nghệ thuật như: nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật cốt truyện và nghệ thuật miêu tả. Tác giả kết luận: “*Một trong những cống hiến lớn nhất của nhà văn Tô Hoài đối với văn xuôi nước nhà là các sáng tác dành cho*

thiếu nhi. Nếu ví sự nghiệp văn chương của ông là một cây cổ thụ có ba nhánh: thì nhánh cây dành cho trẻ thơ lúc nào cũng tươi xanh, dạt dào niềm vui, sức sống. So với những truyện, tiểu thuyết viết về người dân nghèo trước Cách mạng tháng Tám và đề tài miền núi sau tháng Tám năm 1945, thì mảng truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi có giá trị quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của Tô Hoài” [3].

Bên cạnh đó, tác giả Nhật Ký – Diêu Huyền với bài viết: *Tô Hoài và kiệt tác truyện đồng thoại “Dế Mèn phiêu lưu ký”* cũng khẳng định: “Với tác phẩm này, Tô Hoài trở thành nhà văn khai sinh ra thể văn đồng thoại với hình thức đặc trưng là nhân cách hóa loài vật, kể chuyện vật mà gọi chuyện người dành cho bạn đọc thiếu nhi. Mặt khác, tác phẩm mở đầu này cũng đồng thời là đỉnh cao, là “kiệt tác ở thể đồng thoại” [21].

Tác giả Lã Thị Bắc Lý trong giáo trình *Văn học trẻ em* đã đưa ra nhận định: “Ông là người đặc biệt có ý thức về lao động nghệ thuật, nhất là nghệ thuật sáng tạo ngôn từ. Tô Hoài là một trong những nhà văn tâm huyết với sáng tác văn học thiếu nhi” [9, tr.83]; “*Dế Mèn phiêu lưu ký* là tác phẩm xuất sắc nhất trong nhiều tác phẩm. Tác phẩm ấy không chỉ thể hiện ước mong thay đổi hoàn cảnh, khát vọng về một thế giới đại đồng mà còn bộc lộ thiên hướng văn chương của Tô Hoài qua khả năng quan sát tinh tế, hóm hỉnh, trí tưởng tượng phong phú, bay bổng, vốn từ ngữ giàu có, chính xác và một bút pháp miêu tả độc đáo tài tình” [9, tr.68].

Cùng quan điểm trên, nhóm tác giả Cao Đức Tiên (chủ biên) – Dương Thu Hương trong giáo trình *Văn học* cũng đã nhận định về những cống hiến trong sáng tác văn học của nhà văn Tô Hoài: “Trong lĩnh vực sáng tác cho trẻ em, ông rất thành công với thể loại mang tính chất đặc thù: truyện đồng thoại. Nhiều đoạn văn của ông đã được coi là mẫu mực cho học sinh phổ thông cũng như những ai muốn trưởng thành trong nghề viết. Được đánh giá là cây đại thụ trong làng văn học thiếu nhi, nhưng trong suy nghĩ, tình cảm của trẻ em, ông mãi mãi là bác Dế Mèn phúc hậu” [16, tr.158].

Giới thiệu tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký*, nhóm tác giả đề cập đến những

điểm đáng chú ý như: tác phẩm hấp dẫn người đọc ở cốt truyện phiêu lưu, ở lí tưởng sống tiến bộ, các nhân vật trong truyện mang tính chất biểu tượng kép. Bên cạnh đó tác phẩm đã xây dựng được hình ảnh đẹp đẽ về tình bạn bền vững giữa đôi bạn Dế Mèn và Dế Trũi. Cuối cùng, nhóm tác giả đi đến kết luận: *“Âm vang sâu lắng nhất còn lại trong tâm hồn các em là những khát vọng hướng đến một cuộc sống phóng khoáng, tự do, những ước mơ về một thế giới đại đồng trong đó hết thảy những ai có lòng tốt thì cùng nhau kết anh em”* [16, tr.161].

Tác giả Bùi Thanh Truyền (chủ biên) trong giáo trình *Thi pháp trong văn học thiếu nhi* đã đưa ra các phát biểu về không gian nghệ thuật của các nhà lí luận. Đồng thời nhóm tác giả đi vào phân tích những biểu hiện của không gian nghệ thuật trong văn học dân gian, không gian nghệ thuật trong văn học thiếu nhi hiện đại. Về không gian nghệ thuật nhóm tác giả nhận xét: *“Trong hình hài của một truyện dài, Dế Mèn phiêu lưu ký thực sự giàu có về không gian. Câu chuyện không cố định lại trong một khung thăm mĩ mà đã mở ra nhiều khoảng trời mới. Nhìn tổng quát thì câu chuyện đã phát triển cùng với việc chuyển đổi không gian nghệ thuật”* và *“Chú Dế Mèn đã thực hiện hành trình phá bỏ không gian quen thuộc, thanh bình nhưng tù túng, nhàm chán hằng ngày để dẫn thân vào con đường mới với nhiều thử thách và hiểm nguy”* [20, tr.104].

Trong *Từ điển thuật ngữ văn học*, nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đã đưa ra nhận định: Không gian nghệ thuật là *“hình thức bên trong của hình tượng nghệ thuật thể hiện tính chỉnh thể của nó. Sự miêu tả, trần thuật trong nghệ thuật bao giờ cũng xuất phát từ một điểm nhìn, diễn ra trong trường nhìn nhất định, qua đó thế giới nghệ thuật bộc lộ toàn bộ quảng tính của nó...Không gian nghệ thuật gắn liền với cảm thụ về không gian nên mang tính chủ quan. Do vậy không gian nghệ thuật có tính độc lập tương đối không quy được vào không gian địa lý..”* và *“Không gian nghệ thuật chẳng những cho thấy cấu trúc nội tại của tác phẩm văn học, các ngôn ngữ tượng trưng, mà còn cho thấy quan niệm về thế giới, chiều sâu cảm thụ của tác giả hay của một giai đoạn văn học”* [2, tr.160-161]. Như vậy, tác phẩm văn học nào cũng xây dựng một

mô hình không gian nghệ thuật sáng tạo để thực hiện sự miêu tả, trần thuật, từ đó bộc lộ những quan niệm, tư tưởng độc đáo của nhà văn về cuộc đời.

Thông qua việc khảo sát những bài viết, những công trình nghiên cứu về truyện đồng thoại *Dế Mèn phiêu lưu ký*, chúng tôi nhận thấy các tác giả đã chú ý đến các khía cạnh như: Khẳng định vai trò của Tô Hoài trong việc phát triển thể loại truyện đồng thoại ở Việt Nam; cách sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, không gian giàu tính biểu tượng; nhà văn Tô Hoài với truyện đồng thoại đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật xây dựng nhân vật, cách sử dụng ngôn ngữ, không gian nghệ thuật... Tuy nhiên, chưa có bài viết, công trình nào nghiên cứu riêng về: *Không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại Dế Mèn phiêu lưu ký*. Những bài viết trên sẽ là những tư liệu tham khảo có giá trị, cung cấp cơ sở lý luận và là những gợi ý quý giá cho chúng tôi trong quá trình triển khai đề tài của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại *Dế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài nhằm chỉ ra nét đặc sắc về mặt thi pháp trong truyện đồng thoại *Dế Mèn phiêu lưu ký* và góp phần vào việc khẳng định những đóng góp của nhà văn cho văn học thiếu nhi nói riêng và nền văn học Việt Nam nói chung.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tìm hiểu cuộc đời, quá trình sáng tác và đóng góp của nhà văn Tô Hoài trong văn học Việt Nam hiện đại.
- Xác định khái niệm và các kiểu không gian nghệ thuật trong văn học thiếu nhi hiện đại làm cơ sở lý thuyết cho việc tìm hiểu sáng tác truyện của Tô Hoài.
- Tìm hiểu không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại *Dế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại *Dế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Khóa luận nghiên cứu truyện đồng thoại *Đế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài, Nhà xuất bản Văn học, 1998.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thống kê, phân loại

Tìm hiểu các tài liệu liên quan, hệ thống những hình ảnh tiêu biểu, miêu tả cụ thể, sinh động, từ ngữ chỉ không gian để làm sáng tỏ sự sáng tạo nghệ thuật của nhà văn Tô Hoài.

5.2. Phương pháp phân tích, tổng hợp

Từ việc phân tích các chi tiết miêu tả, những hình ảnh, từ ngữ... đề tài đi vào tổng hợp, rút ra những nhận định có tính chất khái quát về các kiểu không gian nghệ thuật của truyện đồng thoại *Đế Mèn phiêu lưu ký*.

5.3. Phương pháp so sánh, đối chiếu

Khi nghiên cứu chúng tôi sẽ đặt truyện đồng thoại *Đế Mèn phiêu lưu ký* trong tương quan với các tác phẩm viết cho thiếu nhi của các nhà văn khác để thấy được những sáng tạo độc đáo của Tô Hoài. Từ đó, việc đánh giá vị trí, sự đóng góp của Tô Hoài cho nền văn học Việt Nam nói chung, văn học thiếu nhi nói riêng sẽ khách quan và đúng đắn hơn.

5.4. Phương pháp nghiên cứu thi pháp học

Vận dụng những kiến thức của thi pháp học vào việc triển khai vấn đề nghiên cứu.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Chỉ ra được những biểu hiện và ý nghĩa về không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại *Đế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho bạn đọc quan tâm, yêu thích truyện đồng thoại của Tô Hoài nói chung, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Hoa Lư nói riêng.

Chương 1

GIỚI THUYẾT VỀ KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT

Cùng với thời gian, không gian là thuộc tính phổ biến, điều kiện tất yếu, hình thức tồn tại của thế giới. Trong nghệ thuật, không gian nghệ thuật là hình thức nội tại của hình tượng nghệ thuật. Không gian nghệ thuật chịu tác động có ý nghĩa quyết định của quan niệm về thế giới, về con người và phong cách sáng tác của nhà văn. Tìm hiểu không gian nghệ thuật giúp ta hiểu sâu sắc hơn từ những góc độ đặc biệt, cá tính của nhà văn và những đặc sắc của thế giới nghệ thuật mà nhà văn đã sáng tạo nên. Không gian nghệ thuật là phương diện quan trọng trong thi pháp học, nó tồn tại trong tác phẩm văn chương, đồng thời là phương thức tồn tại và triển khai của thế giới nghệ thuật. Mặt khác, không gian nghệ thuật là hình tượng góp phần thể hiện nội dung, chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. Trong cấu trúc văn bản của văn xuôi nghệ thuật, không gian nghệ thuật đóng một vai trò quan trọng.

1.1. Không gian

Trong tư tưởng của người phương Đông xưa, họ quan niệm cấu trúc không gian vũ trụ với mô hình: “tam tài” và “ngũ hành”. “Tam tài” là quan niệm về cấu trúc không gian dưới dạng mô hình ba yếu tố: trời, đất và con người. Học thuyết “ngũ hành” mô phỏng cấu trúc không gian vũ trụ bởi năm yếu tố theo: Kim – Mộc – Thủy – Hỏa – Thổ, tương ứng với năm loại vật chất: kim loại, cây cỏ, nước, lửa và đất.

Triết học Mác – Lênin quan niệm về không gian một cách khoa học hơn: *“Không gian chỉ hình thức tồn tại của khách thể vật chất ở vị trí nhất định, kích thước nhất định và ở một khung cảnh nhất định trong tương quan với những khách thể khác”*.

Đến thời điểm hiện nay, không gian đã được định nghĩa, cắt nghĩa và lí giải một cách hoàn chỉnh. Trong cuốn *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê đã cắt nghĩa, lí giải về không gian như sau: *“Không gian là khoảng không bao la trùm lên tất cả sự vật hiện tượng xung quanh đời sống con người”* [11, tr.633].

Trên thực tế, không gian và thời gian thống nhất lại làm nên thế giới. Vũ trụ và con người tồn tại trong hai kích thước của không gian và thời gian, trong mối tương quan qua lại giữa chúng. Chỉ trong không gian và thời gian sự vật mới có tính xác định. Vật chất nói chung và đặc biệt là con người nói riêng luôn luôn phải vận động, tồn tại và thể hiện tính xác định của mình trong thế giới khách thể ba chiều không gian và phải thích nghi với ba chiều không gian đó. Trong thế giới vật chất, các vật thể có độ dài và độ lớn khác nhau, cái này ở cạnh cái kia. Con người có thể nhìn ngắm, đo đạc, cảm nhận được không gian vật chất một cách trực tiếp, cụ thể.

Nói tóm lại, không gian được hiểu là: *“môi trường chúng ta đang sống, tồn tại cùng các sự vật. Không gian chính là hình thức tồn tại của vật chất với những thuộc tính như cùng tồn tại hoặc tách biệt, có chiều kích, có kết cấu”* [17, tr.7].

1.2. Không gian nghệ thuật

1.2.1. Khái niệm không gian nghệ thuật

Không gian trong văn chương có những đặc điểm khác không gian thực tế. Bởi vì không gian trong văn chương mang tính nghệ thuật đặc thù. Tính đặc thù này cũng do chất liệu xây dựng hình tượng là ngôn từ quy định. Không gian nghệ thuật gắn với sự cảm thụ về không gian, có giá trị tình cảm nên nó mang tính chủ quan của người sáng tác. Do vậy mà không gian nghệ thuật có tính độc lập tương đối không quy được vào không gian địa lí. Khái niệm không gian nghệ thuật theo nhà lý luận văn học Nga D.X.Likhachev thì *“mỗi tác phẩm có một không gian sống riêng biệt, giới hạn của nó phụ thuộc vào sức tưởng tượng của nhà văn và nhu cầu cấu tạo của tác phẩm”* [14, tr. 84].

Còn trong *Từ điển thuật ngữ văn học*, tác giả Lê Bá Hán khẳng định như sau: *“Hình thức bên trong của hình tượng nghệ thuật thể hiện tính chỉnh thể của nó. Sự miêu tả trần thuật trong nghệ thuật bao giờ cũng xuất phát từ một điểm nhìn, diễn ra trong trường nhìn nhất định qua đó thế giới nghệ thuật cụ thể, cảm tính bộc lộ toàn bộ quang tính của nó: cái này bên cạnh cái kia, liên tục, cách quãng, tiếp nối, cao, thấp, xa, gần, rộng, dài, tạo thành viễn cảnh nghệ thuật”* [2, tr.160].

Tác giả Trần Đình Sử lý giải: “Không gian nghệ thuật là hình thức tồn tại của thế giới nghệ thuật”. “Không có hình tượng nghệ thuật nào không có không gian, không có một nhân vật nào không có một nền cảnh nào đó” và “không gian nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo của người nghệ sĩ nhằm biểu hiện con người và thể hiện một quan niệm nhất định về cuộc sống” [15, tr.88-89].

Có thể nhận thấy, mỗi ý kiến tuy không giống nhau về cách diễn đạt nhưng đều gặp nhau ở những luận điểm sau: *Không gian nghệ thuật thuộc về phương diện hình thức bên trong của tác phẩm; không gian nghệ thuật là phương thức tồn tại của thế giới hình tượng; không gian nghệ thuật có tính độc lập tương đối và mang tính quan niệm*. Như vậy, có thể hiểu không gian nghệ thuật là một bình diện quan trọng của thi pháp, không gian nghệ thuật chẳng những cho ta thấy cấu trúc nội tại của tác phẩm văn học, các ngôn ngữ tượng trưng mà còn cho thấy quan niệm về không gian, chiều sâu cảm thụ không gian. Nó cung cấp cơ sở khách quan để khám phá tính độc đáo cũng như nghiên cứu loại hình của các hình tượng nghệ thuật. Vì vậy không thể tách hình tượng ra khỏi không gian mà nó tồn tại.

1.2.2. Ý nghĩa của không gian nghệ thuật trong kết cấu nghệ thuật của tác phẩm văn học

Không gian nghệ thuật, với tư cách là một phương diện thi pháp trong kết cấu nghệ thuật của tác phẩm, được xem như một bức tranh phong nền sống động và đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo thế giới nghệ thuật của tác phẩm văn học. Không gian nghệ thuật không chỉ là nơi diễn ra các sự kiện mà còn là yếu tố phản ánh sâu sắc tâm trạng và tư tưởng của cả nhân vật lẫn tác giả.

Không gian là hình thức tồn tại chủ quan của hình tượng nghệ thuật, tính chủ quan của không gian thể hiện ở chỗ nó là sản phẩm sáng tạo của nghệ sĩ, được biểu hiện dưới hệ quy chiếu của điểm nhìn chủ thể. Và đến lượt mình, không gian cũng mở ra một trường nhìn khác về thế giới. Tuỳ theo cá tính sáng tạo, mỗi nghệ sĩ sẽ cho ra đời những mô hình thế giới riêng để chuyển tải những quan niệm riêng của chủ thể về cuộc đời. Bên cạnh đó, không gian nghệ thuật trong tác phẩm văn học còn là sự mô hình hoá các mối liên hệ về thời gian, đạo đức, xã hội của bức

tranh thế giới. Với vai trò này, không gian thể hiện rõ mối quan hệ chặt chẽ với thời gian nghệ thuật. Có nhiều khi, thời gian được không gian hoá trở thành một chiều của không gian. Trong không gian, thời gian ấy hình tượng nhân vật đã vận động qua nhiều mối quan hệ, với chính cái tôi nội cảm dưới những quan điểm đạo đức nhất định của xã hội. Không gian nghệ thuật tạo thành các ngôn ngữ, biểu tượng nghệ thuật để biểu hiện thế giới quan niệm của tác phẩm. Vai trò ấy đã khẳng định tính biểu trưng của không gian trong văn học. Người nghệ sĩ khi sáng tác không đơn thuần là việc vẽ lại những không gian vật lí mang tính vật chất đơn thuần mà cái chính là muốn gửi gắm một góc nhìn về con người và cuộc đời.

Mô hình không gian nghệ thuật trong văn học rất đa dạng. Trong *Dẫn luận thi pháp học*, căn cứ vào vị trí, giới hạn của sự vật, giáo sư Trần Đình Sử phân chia không gian nghệ thuật thành: không gian điểm, không gian tuyến, không gian mặt phẳng. Cũng theo tác giả, nếu căn cứ vào sự biến đổi, vận động của sự vật hiện tượng, không gian nghệ thuật được chia thành không gian bên trong và không gian bên ngoài. Ngoài ra, không gian nghệ thuật còn có không gian hành động và phi hành động. Tác giả Nguyễn Thái Hòa trong công trình nghiên cứu: *Những vấn đề thi pháp của truyện* đã chia không gian nghệ thuật thành: không gian bối cảnh, không gian sự kiện, không gian tâm lí và không gian kể chuyện...

Dựa vào những tiêu chí phân loại về không gian nghệ thuật của các nhà nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy mặc dù những quan niệm trong cách thức phân loại về mô hình không gian khác nhau nhưng những quan niệm ấy vẫn có sự giao thoa trong cách nhận diện bản chất của không gian nghệ thuật: không gian nghệ thuật thuộc về phương diện hình thức bên trong của tác phẩm; không gian nghệ thuật là phương thức tồn tại của thế giới hình tượng và không gian nghệ thuật có tính độc lập tương đối, mang tính quan niệm.

Chính vì vậy, trong quá trình khám phá tác phẩm cần phải xem xét không gian nghệ thuật như một quan niệm về thế giới, một phương diện thể hiện cảm xúc và tư tưởng thẩm mĩ của tác giả. Bởi lẽ, cũng như thời gian thì không gian nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo của người nghệ sĩ nhằm thể hiện một quan niệm nhất định về cuộc sống. Không gian nghệ thuật trong các tác phẩm văn học ở tiểu

học thường tái hiện những bối cảnh đời sống quen thuộc, gần gũi, giúp học sinh nhận ra nét đẹp của quê hương, đất nước và con người Việt Nam. Trong bài thơ *Quê hương* của Đỗ Trung, không gian nghệ thuật được nhà thơ xây dựng qua hình ảnh quê hương thân thương:

“*Quê hương là chùm khế ngọt*

Cho con trèo hái mỗi ngày...”

(*Quê hương* – Đỗ Trung) [19. tr.79].

Những vần thơ trên đã tái hiện rõ nét bức tranh làng quê với những con thuyền ra khơi, làn nước mênh mông và nhịp sống lao động giản dị. Không gian ấy không chỉ gợi lên bối cảnh làng chài mà còn thể hiện tình yêu quê hương tha thiết của tác giả.

Bên cạnh đó, không gian nghệ thuật trong các tác phẩm văn học ở tiểu học còn được các tác giả sáng tạo để góp phần làm nổi bật giá trị nhân văn của tác phẩm. Trong *Bàn tay mẹ* của Phạm Hồ, thông qua không gian làng quê nghèo, Phạm Hồ đã giúp các em học sinh cảm nhận được tình yêu thương vĩ đại của người mẹ đối với con. Hay trong *Lũy tre làng* của Nguyễn Quang Sáng, giữa không gian làng quê yên bình, hình ảnh những cây tre thân thuộc tượng trưng cho sự bền vững, kiên cường, truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái của người dân quê của con người Việt Nam. Từ đó không gian nghệ thuật không chỉ là bối cảnh mà còn là yếu tố quan trọng làm sâu sắc thêm nội dung và thông điệp của tác phẩm.

Trong truyện đồng thoại *Đế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài, hành trình của Đế Mèn đi qua nhiều không gian khác nhau: từ hang ở của mình, bờ suối, cánh đồng xanh tươi, dòng sông xa lạ... Mỗi không gian đều chứa đựng những trải nghiệm mới, từ niềm vui đến nỗi buồn, từ thất bại đến thành công. Sự thay đổi không gian không chỉ làm tăng sức hấp dẫn của câu chuyện mà còn phản ánh quá trình trưởng thành của nhân vật chính.

Không gian nghệ thuật không chỉ là một phần của kết cấu tác phẩm mà còn là yếu tố quan trọng trong việc truyền tải thông điệp và khơi dậy cảm xúc trong lòng người đọc. Chính nhờ không gian nghệ thuật những câu chuyện trở nên sống động hơn, các nhân vật trở nên chân thực và gần gũi hơn. Những thông

điệp của tác phẩm được truyền tải một cách sâu sắc và thấm thía. Không gian nghệ thuật chính là yếu tố không thể thiếu để kết cấu của tác phẩm trở nên hoàn chỉnh và mang lại sức hấp dẫn lâu dài.

1.2.3. Không gian nghệ thuật trong văn học thiếu nhi hiện đại

Theo tác giả Bùi Thanh Truyền (chủ biên) trong giáo trình *Thi pháp trong văn học thiếu nhi* [20], không gian nghệ thuật trong văn học thiếu nhi hiện đại không chỉ đơn thuần là không gian đời thường với bối cảnh như: ngôi nhà, trường học hay khu rừng mà còn là những không gian kỳ ảo, huyền bí nơi mà ranh giới giữa hiện thực và tưởng tượng trở nên mờ nhạt, là một thế giới kỳ diệu nơi các yếu tố được thể hiện một cách sinh động và cuốn hút. Ở đó trẻ em được đến với những chân trời mới của trí tưởng tượng và cảm xúc.

Trước hết, **không gian đời thường** là không gian được các tác giả thể hiện nhiều trong các tác phẩm văn học thiếu nhi hiện đại. Không gian đời thường là không gian gắn với những sinh hoạt đời thường, hàng ngày của con người. Với tâm lí lứa tuổi và sự hạn chế nhất định về nhận thức, trẻ thơ khó thoát ra những không gian quen thuộc hàng ngày. Cái mà các em hướng đến khám phá, trước hết là cuộc sống và thiên nhiên gần gũi xung quanh mình. Chính vì lẽ đó, các nhà văn hiện đại đã dẫn dắt tuổi thơ của các em vào thế giới diệu kì. Võ Quảng đã vẽ nên trong thơ mình một vườn bách thú rộn ràng âm sắc và một vườn bách thảo lung linh rực rỡ sắc màu. *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi lại đi vào trí nhớ tuổi thơ với những trang văn miêu tả rừng được Cà Mau trong một sắc xanh bất tận: “*Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng toàn một sắc xanh cây lá*” [20, tr.96].

Trong không gian đời thường ngôi nhà, mái trường, sân chơi... là những không gian điểm quen thuộc gắn bó với trẻ thơ. Võ Hồng đã có những trang viết xúc động về không gian gia đình với tác phẩm *Áo em cài hoa trắng*: “*Cả không gian ngôi nhà tập trung lại ở chiếc giường của má. Ở đó, người mẹ đã dạy cho con những chữ cái đầu tiên. Ở đó, má luôn vuốt ve tôi như để xác nhận sự hiện diện của một vật báu mà má sắp bỏ lại trên cõi trần này. Những giọt nước mắt của người mẹ đã thấm ướt không gian ấy*” [20, tr.96].

Bên cạnh đó, con đường là hình ảnh đại diện cho không gian tuyến trong nhiều tác phẩm văn học thiếu nhi hiện đại. Trong tác phẩm *Con đường nhỏ* của Trần Hoài Dương, con đường là biểu tượng của sự bắt đầu, của hành trình khám phá và học hỏi:

*“Yêu sao con đường nhỏ
Nguồn của mọi con đường
Hãy giữ cho đường đó
Không bao giờ rác vương”.*

(Con đường nhỏ - Trần Hoài Dương) [20, tr.96].

Không gian nhỏ hẹp và bình dị ngay trước ngõ nhà ấy là cầu nối dẫn đến đồng cỏ hoa vàng với cỏ mật ngọt lịm, thơm ngát mùi hương, con đường đó cũng là con đường thân đưa em tới trường. Như lời tác giả thì: “Dù có đi Đông đi Tây, đi đến tận cùng trời cuối đất đi chẳng nữa, bao giờ cũng phải bắt đầu từ con đường nhỏ trước ngõ nhà mình”. Không gian đời thường này vì thế mà có ý nghĩa biểu trưng sâu sắc. Tác phẩm *Tôi đi học* của Thanh Tịnh hay *Ngày em đến trường* của Lê Phương Liên cũng lấy không gian con đường để gợi mở cảm xúc vui tươi của các bạn học sinh trong ngày đầu đến trường.

Khác với văn học dân gian, không gian đời thường trong văn học thiếu nhi hiện đại thường là những không gian sống động, cụ thể chứ không mơ hồ, phiếm chỉ. Duy Khán đã viết về một không gian làng quê thật tinh tế: “*Gió chớm hè, cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở hoa trắng xóa. Hoa dẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụi bậm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa*” [20, tr.97]. Nguyễn Thị Châu Giang cũng góp cho *Hội mùa thu* một không gian đặc trưng của mùa thu: “*Giữa đĩa trời mênh mông, ông Trăng hiện ra vành vạnh, tròn như một mâm cỗ chan chứa ánh vàng. Cả dòng sông, cả cánh rừng, cả những tàu dừa ngả xuống nước, cả những bông sen đang e ấp cũng nhuốm bạc, cũng vấy vùng trong suối vàng vô tận. Đêm hội bắt đầu trong tiếng vỗ tay rì rào của rừng cỏ, trong muôn vàn âm thanh khác lạ của đất trời và nước*” [20, tr.98]. Đó thực sự là những trang văn đẹp về một

không gian khoáng đạt và nên thơ.

Đối lập với không gian đời thường là **không gian phiêu lưu**. Không gian phiêu lưu là không gian xa lạ luôn ẩn chứa nhiều điều bất ngờ, đôi khi là những hiểm họa đối với nhân vật. Trong không gian này, con người bị cắt đứt những mối liên hệ thân thuộc, lênh đênh, trôi dạt giữa dòng đời. Chính vì thế, con người phải sống bên ngoài các giới hạn, ngoài khuôn khổ vốn có và phải đương đầu với thế giới.

Trong truyện *Chú đất nung*, Nguyễn Kiên đã xây dựng nhiều không gian. Sự thay đổi, dịch chuyển ngoài ý muốn của nhân vật đã tô đậm tính chất phiêu lưu của chú bé Đất. Nhân vật bước vào những thế giới xa lạ của kiếp tha hương. Trên bước đường phiêu lưu ấy không gian quê nhà chỉ xuất hiện trong kí ức, trong nỗi nhớ và trong ước vọng tìm về của nhân vật. Sống trong một cái nắp traps hổng với thân phận của một thứ đồ chơi, chú bé Đất luôn nhớ về quê nhà, nhớ về cái gò cao ngoài cánh đồng: “Ở đây, có trời xanh, mây trắng, có những dòng nước chảy dào dạt, có đàn trâu chằm cỏ và những chú sáo sậu vui tính” [20, tr.98]. Chính vì thế, chú đã tìm đường ra cánh đồng. Không gian nghệ thuật đã trở thành môi trường thử thách của nhân vật. Cùng với bước chân phiêu lưu, chú bé Đất đã trưởng thành rất nhiều về nhận thức và tâm hồn. Có thể xem tác phẩm là hành trình đưa chú bé Đất trở thành chú Đất Nung để chú quay trở về nguồn cội yêu thương của cuộc đời.

Trong văn học thiếu nhi nước ngoài, *Đảo giấu vàng* của Robert Louis Stevenson là một trong những tác phẩm tiêu biểu mang đậm màu sắc phiêu lưu. Bắt đầu từ một quán trọ ven biển đến chuyến hải trình vượt đại dương trên con tàu Hispaniola rồi tiến vào hòn đảo hoang bí ẩn. Truyện theo chân cậu bé Jim Hawkins bước vào hành trình truy tìm kho báu đầy hiểm nguy. Không gian phiêu lưu hiện lên sống động qua từng trang văn: nơi biển cả rộng lớn, bầu trời lồng lộng gió, sóng bạc đầu và cánh buồm no gió mở ra trước mắt nhân vật một thế giới chưa từng biết đến. Stevenson đã khắc họa không khí đó bằng những câu văn đầy hình ảnh và cảm xúc: “Con tàu Hispaniola lướt đi giữa đại dương mênh mông, phía trước là những vùng biển chưa ai

biết, nơi ẩn giấu kho báu của cướp biển Flint. Gió thổi phân phật, những con sóng bạc đầu và cánh bướm căng phồng trong ánh nắng rực rỡ khiến trái tim tôi đập loạn vì phấn khích và lo âu” [22]. Không gian ấy không chỉ là bối cảnh mà nó còn là nơi thử thách lòng dũng cảm, trí thông minh và khát vọng khám phá của con người, khiến hành trình tìm kho báu trở thành một cuộc phiêu lưu kỳ thú, đầy mê hoặc.

Trong truyện viết cho thiếu nhi, bên cạnh không gian phiêu lưu đầy thử thách, căng thẳng, các tác giả còn đưa các em đến với **không gian thần kì** lung linh sắc màu. Nơi ấy, phép màu và kỳ tích mở ra những khả năng vượt qua giới hạn của bản thân. Sự chuyển mình này không chỉ là hành trình khám phá thế giới mà còn là cuộc tìm kiếm “bản ngã” và sức mạnh nội tại.

Nguyễn Huy Thiệp trong truyện ngắn của mình đã khẳng định: *“Chuyện của trẻ con thì người lớn không nên cắt nghĩa vì logic của trẻ con là thứ logic huyền thoại không tiền khoáng hậu”*. Ý kiến này đã chạm tới mạch ngầm của thiên tính trẻ. Niềm vui của trẻ là được thực hiện những cuộc phiêu lưu đầy sáng tạo và tưởng tượng, tới những thế giới diệu kỳ. Ở đó, cái đời thường bị đảo lộn thay vào đó là những nghịch lí thú vị. Bộ truyện cổ tích hiện đại *Chuyện hoa – chuyện quả* của Phạm Hồ, trong thế giới cổ tích thần kì ấy thế giới tự nhiên, nguồn gốc của cây, hoa, quả được nhìn nhận thật thú vị. Ngón tay út của người thầy biến thành cây nhân sâm, những con tép trở thành tép bưởi, chùm hoa lạ biến thành giàn thiên lý. Mỗi không gian sự vật là một biểu tượng về con người. Tác giả mượn không gian thần kì đó để khẳng định một điều rất hiện thực: tất cả hoa đẹp, quả lạ, cây xanh trên đời đều do lòng tốt và tình yêu thương của con người tạo thành. Nhờ vậy, tác phẩm thật sự là một thế giới đầy hương thơm, lung linh sắc màu.

Hay trong bài thơ *Mây và sóng* của Tagore đã dựng một không gian nghệ thuật huyền ảo như cổ tích. Qua đôi mắt của trẻ thơ, không gian được “nhào nặn” và mở ra vô tận. Giữa bầu trời và mặt đất dường như không có sự cản trở, con người từ đó mặc sức lên cao để bay bổng cùng mây, vui đùa trải rộng cùng sóng nước. Đây cũng là hai không gian tiềm ẩn sắc màu thần tiên

biểu trưng cho những nơi xa rộng đang gọi mời con người. “*Chúng ta hát từ tối mai đến sớm/ Chúng ta chơi với vàng trắng vàng/ Chúng ta chơi với vàng trắng bạc*” [23]. Nhờ đó, tấm lòng nhân vật được mở ra đến không cùng trở thành không gian nội cảm riêng tư và bí mật. Như vậy, ở tác phẩm này không gian thần kì trở thành điểm tựa để khẳng định: hạnh phúc không ở đâu xa, mà ở ngay trong không gian dịu dàng của lòng mẹ.

Bên cạnh những không gian nói trên, **không gian tâm lí** cũng góp phần làm nên đặc trưng của văn học thiếu nhi hiện đại. Với nhiệm vụ xây dựng con người chức năng, truyện kể dân gian không xây dựng không gian này. Chúng ta chỉ có thể tìm thấy không gian tâm lí trong mảng tác phẩm trữ tình của văn học dân gian như ca dao, hát ru. Đến văn học hiện đại, cùng với việc nhìn nhận con người trong mối quan hệ đa chiều của cuộc sống và trong sự phong phú của diện mạo tâm hồn, không gian tâm trạng hình thành. Không gian nội cảm ấy sẽ bị chi phối bởi tâm lí của nhân vật.

Xuân Quỳnh khi viết *Trời xanh của mỗi người* đã xây dựng thành công không gian ấy. Cũng là bầu trời nhưng với những điểm nhìn khác nhau lại hình thành những không gian thẩm mĩ khác nhau. Bầu trời xanh của nhà thơ chỉ giới hạn trong ô vuông cửa sổ, trở thành không gian hoài niệm về chuyện ngày xưa. Trời xanh của mẹ là không gian dài tít tắp như ánh mắt mẹ trong những năm tháng thấp thỏm đợi chờ chồng. Bầu trời xanh của bố nơi chiến trường bị biến hình thành hình răng cưa nhọn hoắt. Với nhân vật em, không gian bầu trời còn mông lung, chưa nhìn thấy hết:

*“Trời xanh của riêng em
Em chưa nhìn thấy hết
Dài và rộng đến đâu
Ai bảo giùm em biết?”*

(*Trời xanh của mỗi người* – Xuân Quỳnh) [20, tr.100-101].

Cùng một không gian bầu trời nhưng lại có nhiều không gian phát sinh. Tất cả các không gian ấy đều gặp nhau trong sắc xanh tâm lí tạo nên không gian bao la của niềm tin, tình yêu và khát vọng.

Trong những tác phẩm văn xuôi, khi nhà văn xây dựng nhân vật với chiều sâu nội tâm thì không gian tâm lí có tần số xuất hiện thường xuyên hơn. Con người từ đó cũng là một không gian. Trong truyện ngắn *Người bà* của Duy Khán, người đọc rung rung xúc cảm với nhân vật người bà. Bờ vai mỏng tanh của bà là dấu ấn của cái nghèo đói, cái vất vả của kiếp người. Bà tồn tại trong không gian lớn của làng quê như một cái bóng lặng lẽ, không ai biết đến sự hiện diện của không gian này. Những câu ca xưa vọng lại trong lời hát ru của bà là tiếng vọng của một không gian tâm tư trĩu nặng: “*Trèo lên cây khế nửa ngày/ Ai làm chua xót (a...) lòng mày khế (à...) ơi*” [20, tr.101]. Những câu hát ru buồn rười Ầy chính là những khoảnh khắc bà hóa thân vào không gian của cây khế để thấm trải sâu hơn nỗi cô đơn, vị chát chua của cuộc đời.

Như vậy, các kiểu không gian nghệ thuật trong tác phẩm văn học thiếu nhi không chỉ giúp học sinh hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm mà còn góp phần giúp học sinh phát triển tư duy sáng tạo và khả năng cảm thụ nghệ thuật.

Kết luận chương 1

Không gian nghệ thuật là một phạm trù cơ bản và quan trọng trong nghiên cứu văn học, là yếu tố không thể tách rời trong việc tạo dựng và cảm nhận tác phẩm nghệ thuật. Không gian nghệ thuật không chỉ là bối cảnh vật lý đơn thuần mà còn mang ý nghĩa biểu tượng, tâm lý và xã hội sâu sắc, góp phần làm phong phú và đa chiều đời sống nghệ thuật của văn học. Việc hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò và các kiểu không gian nghệ thuật sẽ giúp chúng ta có cái nhìn sâu sắc hơn về cách thức nhà văn tổ chức thế giới nghệ thuật, qua đó truyền tải những thông điệp về tư tưởng, cảm xúc những giá trị đạo đức và bài học kinh nghiệm trong cuộc sống đến người đọc. Trong phạm vi nghiên cứu đề tài, những cơ sở lý luận này sẽ là nền tảng quan trọng để phân tích không gian nghệ thuật trong văn học thiếu nhi hiện đại, đặc biệt là trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài. Qua đó, nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ vai trò của không gian trong việc hình thành thế giới nghệ thuật mà còn giúp khám phá chiều sâu tư tưởng, giá trị nhân văn và đặc trưng sáng tạo của văn học thiếu nhi Việt Nam.

Chương 2

KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT TRONG TRUYỆN ĐỒNG THOẠI

ĐẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ CỦA TÔ HOÀI

2.1. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Tô Hoài

2.1.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Tô Hoài

Tô Hoài là một trong những tên tuổi lớn của văn học hiện đại Việt Nam. Với 94 năm tuổi đời, hơn 70 năm tuổi nghề cùng số lượng tác phẩm đồ sộ: gần 200 đầu sách trải rộng trên nhiều mảng đề tài và nhiều giải thưởng văn học cao quý, Tô Hoài đã trở thành nhà văn của nhiều thời, nhiều độ tuổi khác nhau, một tác giả có tầm ảnh hưởng lớn đến nền văn học nghệ thuật nước nhà.

Nhà văn Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, ông sinh ngày 27/9/1920 tại quê nội ở thôn Cát Động, thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông cũ. Tuy nhiên, ông lớn lên ở quê ngoại là làng Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội). Bút danh Tô Hoài gắn liền với hai địa danh: sông Tô Lịch và phủ Hoài Đức quê hương ông. Ngoài ra, Tô Hoài còn có nhiều bút danh khác như: Mất Biển, Mai Trang, Hồng Hoa, Duy Phương.

Sự nghiệp văn học của Tô Hoài bắt đầu từ rất sớm với những sáng tác đầu tiên đăng trên *Hà Nội tân văn*, *Tiểu thuyết thứ bảy* vào cuối những năm 1930 đã nhanh chóng được bạn đọc đương thời chú ý. Ông sớm khẳng định được vị trí của mình bằng một loạt tác phẩm độc đáo, đặc sắc như: *Con đế mèn*, sau này được ông viết bổ sung và đổi tên thành *Đế Mèn phiêu lưu ký*, *Quê người*, *O chuột*, *Trăng thề*, *Nhà nghèo*... Từ các tác phẩm này, người đọc nhận thấy sức sáng tạo dồi dào của cây bút trẻ với hai chủ đề chính là truyện về loài vật và truyện về làng ven đô trong cảnh đói nghèo. Ngoài viết văn, Tô Hoài còn hăng hái tham gia cách mạng. Năm 1938, ông tham gia phong trào ái hữu thợ dệt, làm thư ký ban trị sự Hội ái hữu thợ dệt Hà Đông. Sau đó, ông tham gia phong trào Thanh niên phản đế. Năm 1943, ông gia nhập tổ văn hóa cứu quốc đầu tiên ở Hà Nội.

Sau Cách mạng tháng Tám, Tô Hoài tham gia Nam tiến rồi ông lên

Việt Bắc làm báo, sau đó làm chủ nhiệm Tạp chí Cứu quốc Việt Bắc. Tiếp đó ông làm chủ bút Tạp chí Cứu quốc. Từ năm 1954, ông về công tác tại Hội nhà văn Việt Nam và được bầu làm Tổng thư ký của Hội vào năm 1957. Từ năm 1958 cho đến năm 1980, ông tiếp tục tham gia Ban chấp hành, làm Phó tổng thư ký Hội nhà văn Việt Nam. Đồng thời từ năm 1966 đến 1996, ông làm chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội. Ngoài ra, ông còn tham gia tích cực nhiều hoạt động xã hội khác và đảm đương nhiều trọng trách như: đại biểu Quốc hội khóa VII, phó chủ tịch Ủy ban đoàn kết Á – Phi, phó chủ tịch Hội hữu nghị Việt - Ấn, Ủy viên Ban chấp hành Hội Hữu nghị Việt – Xô.

Trong sáng tạo nghệ thuật, Tô Hoài có sự chuyên biến về tư duy sáng tác. Ông nhanh chóng thâm nhập hiện thực cuộc sống và sáng tạo thành công nhiều tác phẩm có giá trị ở các thể loại khác nhau. Bước chuyển trong sáng tác của Tô Hoài được thể hiện rõ ở cả chủ đề và đề tài. Tô Hoài không bó hẹp nội dung và đối tượng phản ánh trong phạm vi của một vùng quê nghèo ngoại thành Hà Nội nơi ông từng gắn bó như trước mà hướng đến không gian rộng lớn, đến với cuộc sống của nhiều lớp người, nhiều vùng đất khác nhau. Ông viết về miền núi với các tập: *Núi Cứu quốc*, *Truyện Tây Bắc*, *Miền Tây*. Ông viết về những người anh hùng dân tộc thiểu số dũng cảm, thủy chung sắt son, hiến dâng cuộc đời mình cho đất nước, quê hương như: *Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ*, *Kim Đồng*, *Giàng A Thào*, *Vừ A Dính*...

Sau này, ngòi bút của ông vẫn hướng về xã hội Việt Nam trước 1945 với cách nhìn, sự suy ngẫm sâu sắc hơn. Ông viết *Mười năm*, với tầm nhận thức từ chỗ đứng của cuộc sống hiện tại nhiều đổi thay mang ý nghĩa lớn trong đời sống dân tộc. Tiếp tục mạch sáng tác hoài niệm ấy: *Quê nhà*, *Chuyện cũ Hà Nội* cho thấy vốn sống, nguồn tư liệu cũng như nguồn cảm hứng sáng tác của Tô Hoài về Hà Nội vô cùng phong phú, đa dạng. Từ các tác phẩm viết về Hà Nội của ông, người đọc hiểu hơn về phong tục, nếp sinh hoạt, tên gọi phố phường con người Hà Nội trải dài suốt cả thế kỉ XX trong đời thường, trong chiến tranh và trong hòa bình.

Không chỉ thành công ở thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết, Tô Hoài

còn đạt được thành tựu đặc sắc ở thể ký. Nhiều tác phẩm ký của ông ra đời sau những chuyến đi về các miền đất như: *Nhật ký vùng cao*, *Lên Sừng Đỏ* hay *Thành phố Lê-nin*, *Hoa hồng vàng song cửa*... Đặc biệt, các tập hồi ký của Tô Hoài luôn gắn liền với bao nỗi vui buồn và mơ ước của tuổi thơ, bao kỷ niệm về những bạn văn, đời văn của ông như: *Cỏ dại*, *Tự truyện*, *Cát bụi chân ai*, *Chiều chiều*... Đầu tháng 2 năm 2018, ba cuốn sách quý gồm: *Giữ gìn 36 phố phường* (tập văn), *Những ký ức không chịu ngủ yên* (hồi ký) và *Người con gái xóm Cưng* (truyện ngắn) đã lần đầu được công bố, bổ sung vào sự nghiệp văn chương giàu có của Tô Hoài.

Bên cạnh những mảng sáng tác trên, Tô Hoài còn viết nhiều tác phẩm cho thiếu nhi và rất thành công. Nhắc đến Tô Hoài, nhiều người nghĩ ngay đến *Đế Mèn phiêu lưu ký*. Hơn hai mươi tuổi, Tô Hoài đã tạo được một “*kiệt tác*” ở thể đồng thoại. Theo phó giáo sư Nguyễn Đăng Điệp: “*Đế Mèn phiêu lưu ký* được ông viết cho thiếu nhi, nhưng cũng là viết cho người lớn vì ẩn trong tác phẩm này là những bài học nhân sinh sâu sắc. Tại đây, ta nhận thấy sự mất cảm và óc quan sát tinh tế của Tô Hoài. Ông tả loài vật nào đúng với bản chất và đặc điểm của loài vật ấy” [25].

Ngoài *Đế Mèn phiêu lưu ký* nổi tiếng, ông còn hàng loạt sáng tác được trẻ em nhiều thế hệ yêu thích như: *Mực tàu giấy bản*, *Nói về cái đầu tôi*, *Ngọn cờ lau*, *Thằng phó*, *Chuyện ông Gióng*, *Võ sĩ Bọ Ngựa*, *Ba anh em*, *Ba bà cháu*, *Câu chuyện ngày chủ nhật*, *Con mèo lười*, *Đám cưới chuột*, *Đảo hoang*, *Chuyện nỏ thần*, *Chim chích lạc rừng*... Ở mảng sáng tác này dù là đề tài sinh hoạt, cổ tích hay lịch sử, ngay cả khi tuổi đã cao Tô Hoài vẫn có được cách cảm nhận và thể hiện đời sống qua trang văn phù hợp với tâm hồn, nhận thức của tuổi thơ. Và ông đã dẫn dắt các em đến với một thế giới có nhiều điều kỳ thú, góp phần bồi đắp nhân cách, nuôi dưỡng vẻ đẹp và sự trong sáng, cao thượng cho những tâm hồn thơ bé.

Một đời cần cù đi và viết như chưa lúc nào ngơi nghỉ, Tô Hoài với ý thức cố gắng tìm tòi, khám phá trong sáng tạo nghệ thuật không ngừng, ở thể loại nào nhà văn cũng đạt được những thành công đặc sắc, với nhiều tác phẩm

hấp dẫn. Năm 1996 ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ thuật.

2.1.2. Truyện đồng thoại *Dế Mèn phiêu lưu ký*

Truyện đồng thoại là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người. Truyện viết cho thiếu nhi của Tô Hoài chủ yếu được viết dưới dạng đồng thoại và ông đã thể hiện những câu chuyện này bằng những thủ pháp nghệ thuật độc đáo.

Dế Mèn phiêu lưu ký ra đời năm 1941, đây có thể nói là thời kì đen tối nhất trong lịch sử Việt Nam. Tô Hoài nằm trong số thanh niên lúc bấy giờ sớm giác ngộ cách mạng yêu hòa bình, ghét chiến tranh, mơ ước một cuộc sống tự do, bình đẳng, bác ái. Trong sự kiểm duyệt gắt gao của thực dân Pháp nhưng ông luôn khao khát được thể hiện lí tưởng. *Dế Mèn phiêu lưu ký* là một tác phẩm xuất sắc trong các tác phẩm thời đó. Tác phẩm không chỉ thể hiện ước mong thay đổi hoàn cảnh, khát vọng về một thế giới đại đồng mà còn bộc lộ thiên hướng văn chương của Tô Hoài. Cho đến nay, truyện đồng thoại *Dế Mèn phiêu lưu ký* đã hơn 100 lần được tái bản trong nước; xuất bản ở gần 40 quốc gia, được dịch sang 15 thứ tiếng, trở thành một trong những tác phẩm văn học thiếu nhi Việt Nam được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất.

Dế Mèn phiêu lưu ký có kết cấu chương hồi, gồm 10 chương. Mỗi chương thu gọn một sự kiện, nói lên những hành trình, những khám phá, những bài học mà Mèn học được từ cuộc sống. Bằng khả năng quan sát tinh tế, hóm hỉnh, trí tưởng tượng phong phú, bay bổng, vốn từ ngữ giàu có, chính xác và một bút pháp miêu tả độc đáo tài tình, Tô Hoài đã kể về cuộc đời và hành trình phiêu lưu sôi nổi nhưng đầy sóng gió của Dế Mèn. Chú Dế Mèn lúc đầu kiêu căng, ngạo mạn, gây hậu quả tai hại cho chính mình và bạn bè xung quanh. Nhưng trên những chặng đường phiêu lưu chú đã dần khôn lớn, trưởng thành trong nhận thức và tính cách, trở thành một chú dế can đảm, tốt bụng, trọng nghĩa... Những trải nghiệm của Dế Mèn đem lại cho độc giả bài học nhẹ nhàng

về tình cảm gia đình ấm áp, tình bạn tri kỉ, về thái độ và cách ứng xử trong cuộc sống, đồng thời truyền tải ước mơ cao đẹp về một thế giới đại đồng nơi tất cả đều là bạn bè, anh em cùng chung sống trong hòa bình.

2.2. Không gian nghệ thuật trong truyện đồng thoại *Đế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài

Trong *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài, không gian nghệ thuật được biểu hiện rất phong phú và đa dạng. Nó luôn gắn liền với nhân vật và các sự kiện nhằm khai thác sâu hơn thế giới nội tâm của nhân vật cùng những biến đổi tâm lí. Khảo sát *Đế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài, chúng tôi thấy có ba loại không gian nghệ thuật tiêu biểu: **không gian đời thường, không gian phiêu lưu và không gian tâm lí.**

2.2.1. Không gian đời thường

Nhân vật trong một tác phẩm văn học bao giờ cũng hoạt động trong một thời gian và một không gian nhất định. Không gian đời thường trong tác phẩm văn học là những khung cảnh, địa điểm quen thuộc, gần gũi với cuộc sống hàng ngày của nhân vật, nơi các nhân vật sinh sống, làm việc, tương tác và trải nghiệm. Không gian đời thường có vai trò quan trọng trong tác phẩm văn học, góp phần tạo nên tính hiện thực, sự gần gũi và chiều sâu ý nghĩa cho câu chuyện.

Không gian đời thường trong *Đế Mèn phiêu lưu ký* được nhà văn lấy cảm hứng từ thiên nhiên và đời sống thôn quê giản dị, gần gũi. Mở đầu câu chuyện, Tô Hoài đưa người đọc đến một không gian thiên nhiên tươi mới, không khí trong lành tràn đầy sức sống với cánh đồng cỏ rộng lớn mênh mông và một bầu trời trong xanh, cao vợi vợi. Khung cảnh “*những bờ ruộng, những ngọn cỏ ấu sắc và nhọn, nước đầm trong xanh, những áng cỏ mượt rười rượi. Trời đầy mây trắng*” [6, tr.4] hiện lên như một bức tranh nhiều sắc màu. Đối với Đế Mèn, không gian này không chỉ là nơi chú được hòa mình vào sự sống mà nó còn là biểu tượng của sự rộng mở tự do không giới hạn.

Trên nền không gian thiên nhiên cao rộng ấy, bằng bút pháp chấm phá nhà văn đã vẽ ra một không gian bãi cỏ nơi hội tụ âm nhạc và sự giao hòa.

Không gian đồng cỏ trong tác phẩm không chỉ đơn thuần là một địa điểm vật lý mà nó còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc, là nơi diễn ra sự trao đổi văn hóa, kinh nghiệm và tình cảm, là nơi diễn ra những hoạt động tinh thần phong phú của loài dê, đặc biệt là những buổi ca hát tập thể: *“Khi đêm đã xuống hẳn, cả xóm chúng tôi, các bô lão lụ khụ già cỗi để cũng bỗng nhiên vui tính, ai nấy ra khỏi hang, đến tụ hội thật đông tận giữa bãi trong đêm tối mát lạnh, cùng uống swong đong, ăn cỏ uớt và những gã tài hoa thì gảy đàn thổi sáo, cùng nhau ca hát, nhảy múa linh đình đến tận sáng bạch, lúc ông mặt trời quen thuộc lại nghiêm trang ló lên đằng đông, mới tan cuộc, ai về nhà nấy”* [6, tr.5]. Trong không khí vui nhộn, náo nhiệt ấy, Dê Mèn cũng hăng hái góp giọng vào dàn đồng ca: *“Chập tối, tôi tạm nghỉ tay và ra đứng ngoài cửa, hợp cùng anh chị em hàng xóm quanh bờ ruộng, vừa gảy đàn vừa hát một bài hát hoàng hôn chào tạm biệt ông mặt trời.”* [6, tr.5].

Bằng ngòi bút tinh tế của nhà văn Tô Hoài, không gian bãi cỏ trong *Dê Mèn phiêu lưu ký* không chỉ là nơi Dê Mèn và các cụ dê tập trung ca hát mà còn là biểu tượng của sự gắn kết cộng đồng, sự giao lưu văn hóa và sự hòa mình vào thiên nhiên. Tiếng hát của họ không chỉ là âm thanh mà còn là tiếng nói của tâm hồn, là sợi dây kết nối các thế hệ và là niềm vui trong cuộc sống của loài dê. Không gian âm nhạc đặc biệt này đã góp phần làm nên sức hấp dẫn và giá trị nhân văn sâu sắc của tác phẩm.

Tựa như những chấm màu riêng biệt trên bức họa chấm phá, mỗi không gian trong thế giới của Dê Mèn đều mang một vẻ đẹp và ý nghĩa riêng. Nếu bãi cỏ là nơi âm nhạc cộng đồng vang vọng giữa thiên nhiên bao la thì không gian hang đất – ngôi nhà lại như một chấm lặng riêng tư, nơi Dê Mèn có thể lắng đọng những dư âm của cuộc sống bên ngoài và áp ủ những giai điệu, những dự định phiêu lưu.

Nghiên cứu ý nghĩa biểu tượng của ngôi nhà, học giả Phương Tây Gaston Bachelard đã viết trong thi pháp không gian: *“Ngôi nhà là một trong những năng lực tích hợp vĩ đại nhất cho những suy tư, những hoài ức cũng như những giấc mộng của loài người. Không nhà, người ta sẽ là một sinh vật siêu*

tán, bơ vơ. Ngôi nhà bảo vệ người ta trước mọi giông tố của trời đất và mọi bão táp cuộc đời. Ngôi nhà là thân thể và linh hồn của con người”.

Trong văn học thiếu nhi nói chung, văn học thiếu nhi Việt Nam nói riêng, ngôi nhà là nguồn gốc của sự chở che, ấm áp, hạnh phúc. Không gian ngôi nhà với tiếng ru con “*à ời*” của người mẹ và tiếng võng “*kêu cà*” đều đều trong bài thơ *Mẹ* của Trần Quốc Minh đã gợi lại cho ta bao nhiêu cảm xúc yêu thương, thân quen và triu mến. Mẹ là ngọn gió của cuộc đời con. Bằng những vần thơ giản dị xây dựng dựa trên việc sử dụng các thủ pháp nghệ thuật, tác giả đã thể hiện tình mẫu tử ấm áp, thiêng liêng. Với giọng điệu vô cùng nhí nhảnh, vô tư khi nói về tình cảm và sự yêu thích đối với ngôi nhà của mình, bạn nhỏ trong bài thơ *Em yêu nhà em* của Đoàn thị Lam Luyện đã khẳng định: “*Chẳng đâu bằng chính nhà em*” và sau này “*Dù đi xa thật là xa*” nhưng cũng sẽ chẳng nơi nào cho ta cảm giác yên bình, vui vẻ và thân thiết như chính ngôi nhà của mình. Trong ngôi nhà đó, em có gia đình, có người thân, có bạn bè và có những năm tháng tuổi thơ đầy hồn nhiên trong trẻo: “*Dù đi xa thật là xa/ Chẳng đâu vui được như nhà của em*”. Trong tiểu thuyết *Không gia đình*, nhà văn Hecto Malo cũng đã rất thành công khi tạo dựng sự tương phản giữa không gian ngôi nhà nhỏ bé với không gian thiên nhiên rộng lớn, với sự bao trùm giá lạnh khắc nghiệt của mùa đông để thể hiện tình mẫu tử ấm áp, thiêng liêng của mẹ Bábóranh và Rê mi. Giữa không gian giá lạnh khắc nghiệt, những bông tuyết trát vào cửa kính trắng xóa, phủ kín cả ngôi nhà, mẹ Bábóranh đã dùng đôi bàn tay gầy gò nhưng ấm áp của mình ấp ủ, sưởi ấm cho đôi bàn chân của con thật triu mến. Mặc dù không mang nặng đẻ đau nhưng tình yêu thương mà mẹ Bábóranh dành cho Rêmi bao la như biển rộng. Bà đã dùng dòng sữa ngọt ngào, ấm nóng của mình để nuôi lớn chú bé. Những hành động ân cần, săn sóc cùng với sự quan tâm yêu thương của bà Bábóranh dành cho Rêmi đều xuất phát từ tình mẫu tử thiêng liêng.

Với tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài, ngôi nhà nơi Đế Mèn thể hiện là con người tự lập biết lo xa, biết chăm sóc bản thân, là một người con hiếu thảo, một đứa em tình nghĩa. Bên cạnh đó, Mèn cũng bộc lộ

tính ích kỷ, hung hăng, kiêu ngạo, hiểu thắng và nhẫn tâm.

Hang đất của Mèn ở bờ ruộng phía bên kia, chỗ trông ra đầm nước mà mẹ đã chịu khó đào bới, be đắp tinh tươm thành hang, thành nhà cho Mèn: *“Tôi cũng không buồn. Trái lại còn lấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ. Tôi vừa thăm cảm ơn mẹ, vừa sục sạo thăm tất cả cái hang mẹ đưa đến ở. Khi đã xem xét cẩn thận rồi, tôi ra đứng ngoài cửa ngưỡng mặt lên nhìn trời. Qua những ngọn cỏ ầu nhón và sắc, tôi thấy màu trời trong xanh. Tôi dọn giọng, vỗ đôi cánh nhỏ mới ngấn đến nách, rồi cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to”* [6, tr.4]. Từ đây, Mèn bắt đầu một cuộc đời mới. Cho dù cuộc sống sẽ sung sướng hay khổ sở. Mèn không thấy buồn mà cảm thấy thích thú với cuộc sống ung dung độc lập này.

Trong không gian hang đất, cuộc sống hàng ngày của Dế Mèn được nhà văn Tô Hoài khắc họa qua những hành động cụ thể như đào cho mình một cái hang rộng rãi và chắc chắn, rèn luyện cho cơ thể cường tráng, khỏe mạnh. *“Ngày nào cũng vậy, suốt buổi, tôi chui vào trong cùng hang, hì hục đào đất để khoét một cái ổ lớn làm thành cái giường ngủ sang trọng. Rồi cũng biết lo xa như các cụ già trong họ dế, tôi đào hang sâu sang hai ngả làm những con đường tắt, những cửa sau, những ngách thượng, phòng khi gặp việc nguy hiểm, có thể thoát thân ra lối khác được”* [6, tr.5]. Những hành động này không chỉ cho thấy sự khéo léo và ý thức lao động chăm chỉ của Dế Mèn mà còn biểu trưng cho tinh thần tự lập và bản năng sinh tồn mạnh mẽ của nhân vật.

Nhưng cũng chính trong không gian hang đất này, Dế Mèn đã trở nên hống hách, hung hăng, bắt nạt, cà khịa với tất cả những người xung quanh: *“Tôi đã quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ, khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng, tôi ngửa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngo ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi”* [6, tr.7]. Có lúc, Mèn còn ngang ngược, thách đố và hohn lảo với chị Cốc:

*“Cái Cò, cái Vạc, cái Nông
Ba cái cùng béo, vật lông cái nào?
Vật lông cái Cốc cho tao,
Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn”* [6, tr.11].

Dế Mèn đâu biết rằng khi cậu to tiếng thì ai cũng nhin, không đáp lại. Bởi vì ai cũng quen Dế Mèn, mọi người đều là hàng xóm nên nể nhau, nhường nhịn nhau. Nhưng Dế Mèn lại tưởng mình là giỏi như thế là mọi người sợ mình, mọi người không dám ho he với mình. Càng ngày Mèn càng nhâm tưởng mình là *“tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ”*. Mèn tiếp tục coi thường, chế diễu, ích kỷ với người bạn Dế Choắt. Mèn không chịu giúp đỡ anh bạn Dế Choắt hàng xóm đào một cái hang cho tươm tất: *“Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi im cái điệu hát mưa dầm sùi sùi ấy đi”* [6, tr.9]. Bản tính kiêu căng, hống hách và ngạo mạn ấy của Dế Mèn đã dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt. Để rồi, khi đứng trước nấm mộ của người hàng xóm tội nghiệp, Dế Mèn đã lặng đi trong bài học đường đời đầu tiên. Phút ân hận ấy hứa hẹn sự thay đổi trong tính cách của Dế Mèn.

Trong *Dế Mèn phiêu lưu ký*, không gian hang đất không chỉ xuất hiện nhiều lần gắn liền với cuộc sống, những hành động của Dế Mèn mà không gian ấy còn là nơi bình yên, ấm áp của tình mẫu tử, tình anh em.

Sau cuộc phiêu lưu bất đắc dĩ lần thứ nhất về đến quê nhà Dế Mèn đã đến thăm mẹ, cái hang cũ mặc dù đã bị cỏ và rêu phủ kín vẫn giữ nguyên sự thân thuộc, gần bó. Với Dế Mèn, không gian hang đất của mẹ đầy ấp tình cảm gia đình, nơi gắn liền với tuổi thơ, nơi mẹ đã sinh một lứa ba anh em Dế Mèn, nơi tạo dựng những ký ức không thể quên, nơi an toàn, nơi trú ẩn, nơi trở về sau những trận chiến và thử thách hiểm nguy. Trong vòng tay yêu thương của mẹ, Mèn đã kể cho mẹ nghe những ngày qua trong may rủi và thử thách. Bắt đầu từ chuyện anh Dế Choắt khốn khổ bên hàng xóm. Trước sự trưởng thành của đứa con út bé bỏng, mẹ nói trong những giọt nước mắt cảm động và sung sướng: *“Con ơi! Mẹ mừng cho con đã qua nhiều nỗi hiểm*

nguy mà trở về. Nhưng mẹ mừng nhất là con đã rèn được tấm lòng chín chắn thật đáng làm trai. Bây giờ con muốn ở nhà mấy ngày với mẹ, rồi con đi du lịch xa mẹ cũng bằng lòng, mẹ không áy náy gì về con đâu. Thế là con của mẹ đã lớn rồi. Con đã khôn lớn rồi. Mẹ chẳng phải lo gì nữa” [6, tr.41]. Trong ngôi nhà ấm áp của mẹ Mèn không phải là một kẻ ích kỉ, không hiếu thắng, không ngông cuồng đến mức tàn nhẫn mà là một người con hiếu thảo.

Vẫn là không gian hang đất theo bước chân Dế Mèn, Tô Hoài đưa bạn đọc đến với không gian hang đất của anh Hai. Giữa không gian ẩm mốc, lạnh lẽo của hang anh Hai, chúng ta cảm nhận được tình cảm anh em chân thành, gần bó, sự chăm lo của Mèn dành cho anh. Ngay khi Dế Mèn bước đến hang của anh Hai: *“Thoạt nhìn cửa hang của anh, tôi đã hơi thất vọng. Cửa hang bé và nham nhở, bản như lỗ giun đùn, lúc chui vào thì có từng đám rễ cỏ quết xuống đầu, y như vào một hang hoang, càng sâu càng ẩm mốc, lạnh tanh”* [6, tr.43]. Trước mắt cậu là một lối vào nhỏ bé, nham nhở, bản như lỗ giun đùn. Một cái hang không hề được chăm chút, chĩn chu mà trái lại toát lên vẻ tù túng, bừa bộn, thiếu sức sống. Cửa hang không rộng rãi, thông thoáng mà nó nhỏ hẹp, méo mó như đã bị bỏ mặc trong một thời gian dài, không ai ngó ngang tới. Những mảng đất xộp trôi xuống tạo thành những vệt lở loét, khiến cửa hang càng thêm phần nhếch nhác. Khi vào trong, Dế Mèn cảm nhận rõ rệt sự u ám, lạnh lẽo của không gian này. Không khí trong hang ẩm mốc mang mùi của đất lâu ngày không được đào xới, cải tạo... Chứng tỏ chủ nhân của nó chẳng buồn dọn dẹp, chẳng buồn quan tâm đến nơi mình sinh sống. Ánh sáng trong hang vô cùng yếu ớt, khiến không gian càng trở nên âm u, lạnh tanh. Trước không gian sống nhỏ hẹp, tăm tối, không có sự cải tạo của anh Hai, Mèn nhận thấy đây không phải là một cái hang của một kẻ mạnh mẽ, dám đối mặt với cuộc đời mà là một cái hang của kẻ nhút nhát, cam chịu, không có ý chí vươn lên.

Mặc dù Mèn rất thương anh, thông cảm với anh nhưng Mèn nhận thấy sống trong không gian tăm tối lạnh lẽo này bản thân không thể phát triển, không thể nhìn thấy ánh sáng, không thể tìm kiếm những cơ hội mới. Nếu ở

nơi đây chỉ có thể co ro, thu mình trong bóng tối mặc cho cuộc đời trôi qua một cách vô nghĩa. Đứng trong hang, Mèn cảm thấy ngọt ngào, bí bách. Thương anh, Mèn đã *“ra ngoài bãi, hái mớ cỏ non và tươi nhất đem về biếu anh”* [6, tr.46]. Mèn an ủi động viên, dặn dò anh, chào từ biệt và rời đi mang theo trong lòng sự tiếc nuối xen lẫn thất vọng. Để Mèn hiểu rằng mình không thể sống như anh Hai, không thể chấp nhận một cuộc đời chỉ biết trốn tránh, sợ hãi và cam chịu. Cậu muốn một không gian rộng mở, một nơi mà cậu có thể thỏa sức vẫy vùng, trải nghiệm và khám phá thế giới.

Trái ngược với sự nhếch nhác, tù túng trong hang đất của anh Hai, hang đất của anh Cả lại là một không gian gọn gàng, ngăn nắp, nhưng cũng đầy sự cứng nhắc, khô khan. Ngay khi bước vào, Để Mèn đã nhận xét: *“Hang anh trưởng tôi rất khang trang. Coi vẻ phong lưu”* [6, tr.47]. Cửa hang rộng rãi, bề mặt đất được nện phẳng. Những vách hang không lởm chởm, không có dấu hiệu bị bỏ quên mà được trau chuốt kỹ lưỡng. Không khí trong hang không có mùi ẩm mốc như hang của anh Hai. Ngược lại nó có phần khô ráo, ngăn nắp. Tất cả gợi lên cảm giác của một nơi được duy trì trật tự chặt chẽ. Thế nhưng càng quan sát kỹ Để Mèn càng nhận ra rằng không gian này cũng không hề mang lại cảm giác thoải mái. Mọi thứ trong hang được sắp đặt một cách quá hoàn hảo đến mức không có chỗ cho sự tự do, không có những đường hang uốn lượn tự nhiên, không có những góc nhỏ ấm áp mang dấu ấn cá nhân. Mọi thứ đều ngay ngắn, quy củ như thể chủ nhân của nó quá mực tuân theo một khuôn khổ không thể phá vỡ. Chính không gian đó đã phản ánh rõ tính cách của anh Cả: một kẻ bảo thủ, cứng nhắc chỉ biết bám víu vào những quy tắc cũ mà không dám thay đổi. Anh sống theo lối mòn, theo những quy định nghiêm ngặt mà không dám bước ra ngoài khuôn khổ. Trong không gian này, Để Mèn cảm thấy khó chịu. Cậu nhận ra rằng một cuộc sống chỉ xoay quanh trách nhiệm, chỉ chăm chăm giữ gìn lễ nghi và trật tự cũng không phải là điều cậu mong muốn. Cậu cần sự tự do, cần một không gian thể hiện là chính mình mà không phải một nơi chỉ biết rập khuôn, không dám thay đổi.

Nhìn vào hai không gian của hai anh, Dế Mèn thấy rằng cả hai không gian đều không phù hợp với mình. Một nơi thì quá yếu đuối, cam chịu. Một nơi thì quá cứng nhắc, khuôn phép. Cả hai đều không có sự tự do, không có khát vọng vươn xa. Dế Mèn hiểu rằng cậu không thể sống mãi trong những giới hạn ấy. Nếu muốn trưởng thành cậu phải bước ra thế giới bên ngoài, phải đi qua những chặng đường gian nan, phải dấn thân vào những thử thách. Qua không gian hang đất của dế anh Trưởng và dế anh Hai, nhà văn Tô Hoài không chỉ miêu tả không gian đơn thuần mà nó còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc cho hai kiểu người trong xã hội: một kiểu yếu đuối, cam chịu số phận; một kiểu bảo thủ, bám víu vào những giá trị cũ. Dế Mèn đã lựa chọn con đường của riêng mình, con đường của tự do, của khám phá và trưởng thành. Và đó cũng chính là thông điệp mà nhà văn Tô Hoài gửi gắm qua tác phẩm: chỉ khi dám bước ra khỏi những giới hạn, va chạm, trải nghiệm, nhìn nhận những khó khăn gian khổ, những niềm vui, nỗi buồn, con người mới có thể thực sự sống một cuộc đời ý nghĩa.

Trải qua bao năm phiêu lưu, vượt qua biết bao vùng đất xa lạ, biết bao khó khăn thử thách. Trong những cuộc chiến đấu có lúc phải đứng giữa ranh giới sự sống và cái chết, cuối cùng Mèn cũng về tới quê nhà. Không gian thiên nhiên vẫn quen thuộc, hiện ra với tất cả sự sống động gợi nhớ về những kỷ niệm thuở thiếu thời. Vẫn là bầu trời trong xanh được nhìn qua những ngọn cỏ ầu ầu sắc nhọn nhưng giờ đây Mèn đã trưởng thành hơn trong suy nghĩ và tính cách. Nếu trước đây bầu trời xanh thể hiện sự *“ung dung độc lập một mình là điều thích lắm rồi”* thì giờ đây, bầu trời ấy như *“ước vọng đời mình đang bay xa”*. Cùng với tiết trời đang vào thu, không gian như bao phủ bởi màu vàng muợt của nắng, của *“hoa cúc vàng nở lưng giậu”*, Mèn cảm thấy lòng thanh thản và bình yên. Những chiếc lá đỏ rơi đầy trên lối mòn như khẽ thì thầm câu chuyện của thời gian khiến chú cảm nhận được sự thay đổi của thiên nhiên nhưng đồng thời cũng là sự ổn định, vững vàng trong từng nhịp sống. Trở về sau bao chuyến đi, Dế Mèn nhận ra rằng thiên nhiên nơi quê nhà

không chỉ là phong nền của những cuộc phiêu lưu mà là nơi ươm mầm những cảm xúc, những suy tư và là nơi kết nối tất cả những gì cậu đã trải qua.

Như vậy, không gian đời thường trong tác phẩm không chỉ là nơi diễn ra cuộc sống thường ngày của nhân vật mà không gian đời thường còn là nơi để nhân vật khám phá, để trưởng thành, để hòa mình vào nhịp sống chung của vũ trụ và bộc lộ bản chất con người của chính mình. Có thể thấy dù cuộc sống có những chuyến phiêu lưu xa xôi, những thử thách không ngừng nhưng không gian đời thường vẫn luôn có một sức mạnh vững chãi. Trong những không gian ấy, ta tìm thấy sự gần gũi, thân thuộc và những nguồn cảm hứng để đối mặt với thế giới rộng lớn bên ngoài. Dù cho hành trình có dẫn ta đến đâu nhưng cuối cùng mỗi chúng ta vẫn phải trở về với chính mình, với những không gian đời thường đã nuôi dưỡng, chở che để nhận ra rằng: hạnh phúc không phải lúc nào cũng là những điều to lớn mà đôi khi hạnh phúc là biết sống bởi những điều giản dị, những khoảnh khắc giản đơn, những mối quan hệ chân thành, những ký ức êm đềm trong đời sống.

2.2.2. Không gian phiêu lưu

Dòng chảy văn học phiêu lưu là một nhánh văn học hấp dẫn, tập trung vào những cuộc hành trình mạo hiểm, khám phá những vùng đất mới lạ và đối mặt với những thử thách cam go. Từ những tác phẩm cổ điển của văn học nước ngoài như *Robinson Crusoe* của Daniel Defoe hay *Gulliver du ký* của Jonathan Swift, dòng văn học này đã khơi gợi trí tưởng tượng và tinh thần phiêu lưu của bao thế hệ độc giả. *Dế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài là một tác phẩm đặc sắc của văn học thiếu nhi Việt Nam, mang đậm dấu ấn của dòng chảy văn học phiêu lưu. Nhân vật chính là chú Dế Mèn nhỏ bé nhưng đầy lòng can đảm và khát khao khám phá thế giới rộng lớn bên ngoài hang đất quen thuộc. Cuộc hành trình của Dế Mèn không chỉ là đi đến những vùng đất mới mà còn là hành trình học hỏi những bài học quý giá về tình bạn, lòng dũng cảm và lẽ sống. Tác phẩm đã góp phần làm phong phú thêm bức tranh văn học phiêu lưu, mang đến một góc nhìn độc đáo với độc giả Việt Nam.

Nghiên cứu về mối quan hệ gắn bó giữa cốt truyện và không gian, Nhà

lý luận văn học Lotman khẳng định: *“Nhân vật ở trường ngữ nghĩa không gian này vượt qua ranh giới phân chia hai thế giới, xâm phạm đến không gian khác, khi ấy biến cố xuất hiện. Biến cố đánh dấu những bước dịch chuyển không gian của nhân vật”*. Dựa trên quan điểm này, chúng ta có thể nhận thấy không gian phiêu lưu trong tác phẩm văn học là bối cảnh mà ở đó nhân vật trải qua một hành trình thường chứa đựng những yếu tố mạo hiểm, khám phá, thử thách và những điều bất ngờ. Nó không chỉ đơn thuần là địa điểm, môi trường, hoàn cảnh diễn ra câu chuyện mà nó còn góp phần khắc họa tính cách nhân vật và thể hiện chủ đề của tác phẩm.

Không gian phiêu lưu trong *Dế Mèn Phiêu lưu ký* là những không gian thực, mang tính chất mở. Nhân vật càng đi xa so với điểm xuất phát ban đầu thì không gian càng mở ra khôn cùng. Đây chính là đặc điểm của không gian trong truyện phiêu lưu nói chung và tác phẩm nói riêng.

Sau cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn quyết tâm lên đường phiêu lưu để mở rộng tầm mắt, suy ngẫm, trải nghiệm về cuộc sống và tìm kiếm những điều mới mẻ. Cậu gặp Dế Trũi, một người bạn cùng chung lí tưởng, có kinh nghiệm và từng trải. Giã từ không gian quê nhà bình yên nhưng tù túng, Mèn và Trũi bước chân vào không gian phiêu lưu. Mỗi bước chân đi qua đều mang theo những đổi thay, mỗi thời khắc trôi qua đều mở ra một khung cảnh mới. Những vùng đất mới lạ với bao phong tục tốt đẹp, bao con đường đầy thử thách và hiểm họa đã xuất hiện. Những cánh đồng lớn, dòng sông xinh đẹp với hai bờ cỏ xanh non, những quãng nước mênh mông hun hút chẳng thấy bờ chỉ thấy sóng nối nhau nổi lên như núi trước mặt, xóm bùn lầy nước đọng ở trong cù lao, những cánh rừng cỏ may... Đôi bạn ấy đã trải qua những đêm trời trở gió, chơ vơ giữa trời nước, đã từng đi mịt mờ dưới bóng hoa cỏ may với một màu trắng bàng bạc, xám xám. Không gian không ngừng biến đổi, mỗi lúc một rộng mở, tạo nên một bức tranh hài hòa cho chuyến phiêu lưu. Tô Hoài đã xây dựng không gian cản trở, đúng với tính chất của truyện phiêu lưu. Không gian ấy đã tạo điều kiện cho Dế Mèn nảy nở và phát triển những tố

chất mới. Trên mỗi chặng đường, Dế Mèn đã có những thay đổi trong nhận thức và tính cách để phù hợp với hoàn cảnh sống.

Ngay từ khi bắt đầu cuộc hành trình, không gian thiên nhiên mở ra trước mắt Mèn thật rộng lớn, khoáng đạt với bầu trời cuối thu trong xanh, gió thu hiu hiu thổi và những áng cỏ mượt rười rượi, thơm ngào ngạt: *“Một ngày cuối thu, tôi và Trũi lên đường. Hôm ấy nước đầm trong xanh, những áng cỏ mượt rười rượi. Trời đầy mây trắng. Gió thu hiu hiu thổi như giục kẻ ra đi. Thế là tôi rời quê hương lần thứ hai”* [6, tr.53]. Những hình ảnh trong veo của mùa thu không chỉ mang đến cho Dế Mèn cảm giác tươi mới mà nó còn là biểu tượng của sự khởi đầu của lời mời gọi dân thân vào thế giới rộng lớn với tất cả khát vọng tự do và phiêu lưu.

Tuy nhiên, trên hành trình phiêu lưu của Dế Mèn, có những lúc thiên nhiên thật khắc nghiệt, dữ dội: *“Nhưng nửa đêm, nổi cơn mưa lớn. Chúng tôi ẩn lại dưới tàu lá chuối, cả đêm nghe tiếng mưa rơi như đánh trống trên đầu... Sóng đánh cao quá. Đứng trên bè trông ra thấy sóng nổi nhau nổi lên lồi lõm như núi trước mặt. Bè chúng tôi lao từ ngọn sóng xuống cuối sóng, nhiều lúc tưởng chui ngụp cả vào trong nước”* [6, tr.55-58]. Từ một dòng sông với những con sóng hiền hòa, giờ đây sông trở mình thành một dòng nước cuộn xiết, những con sóng nổi lên lồi lõm dường như sẵn sàng nhấn chìm những kẻ bé nhỏ. Mười ngày! Mười ngày đối diện với dòng nước trắng hung dữ, nơi bọt tung trắng xóa như đàn quái vật chực chờ nuốt chửng con thuyền mỏng manh của Dế Mèn. Cái đói ghê gớm dường như đánh liệt dần từng bộ phận của Mèn và Trũi: *“Qua ngày mười, cả hai chúng tôi không đứa nào còn có thể đứng lên được. Cái đói ghê gớm cứ đánh liệt dần từng bộ phận trong người, bây giờ đến lúc nó làm dúi kheo lại, chân run lẩy bẩy, lại phải nằm móp bụng xuống. Từ chỗ này muốn qua chỗ khác, chúng tôi chỉ lách nhích từng tẹo”* [6, tr.59]. Ngay từ khoảnh khắc đầu tiên, chiếc thuyền chòng chành lao vào dòng chảy xiết, Mèn đã cảm nhận được sự khác biệt hoàn toàn so với dòng nước trong êm đềm nơi quê nhà. Dòng nước trắng hiện lên như một thế giới vừa kỳ diệu, vừa đầy thử thách tạo cảm giác về một

không gian rộng lớn, vượt ra ngoài tầm hiểu biết và kinh nghiệm trước đây của Mèn và Trũi. Trước mặt là một dòng nước lớn, trắng xóa như một tấm lụa khổng lồ trải dài đến tận chân trời. Tiếng nước chảy ào ào nghe như tiếng sấm, dòng nước chảy mạnh quá, cuốn cả Mèn và Trũi đi như một chiếc lá tre. Cả hai cố gắng bám vào nhau, nhưng nước vẫn xô đẩy dữ dội. Dòng nước chảy xiết, những đoạn thác ghềnh hiểm trở là những mối hiểm nguy thường trực đe dọa sự an toàn của Mèn và Trũi, cả hai phải chiến đấu với tự nhiên để có thể tồn tại. Không chỉ vậy, trên dòng nước trắng Mèn và Trũi còn gặp những sinh vật lạ lẫm chưa từng thấy như: những loài cá dữ tợn, những loài côn trùng kỳ lạ. Cuộc phiêu lưu của Dế Mèn trên dòng nước trắng không chỉ đơn thuần là một bối cảnh, mà còn là yếu tố quan trọng làm nổi bật hành trình trưởng thành và khám phá bản thân của nhân vật. Dòng nước ấy trở thành biểu tượng cho những thử thách trong cuộc sống, đồng thời là nơi tôi luyện ý chí, vun đắp tình bạn và khơi dậy tinh thần khám phá thế giới của Mèn. Dế Mèn đã động viên, an ủi, quyết đoán để cùng Trũi thoát khỏi cái chết điều mà trước đây Mèn đã không thể làm được với Dế Choắt: *“Đừng lo. Xem mây vẫn trời đêm nay có cơ đổi gió. Anh thấy hình như có cái bông xanh mờ đằng kia. Có phải đấy là bờ, gió mà đưa được anh em ta về chỗ bờ xanh xanh ấy là tốt rồi”* [6, tr.59]. Mười ngày đáng nhớ đem đến cho Mèn ý thức trân trọng sự sống, tinh thần vươn lên để chống trọi với khó khăn đôi khi tưởng không chịu nổi ở đời. Đồng thời, Dế Mèn hiểu được sức mạnh của tình bạn, của lòng kiên trì và niềm lạc quan tin tưởng: *“Thôi anh hiểu bụng chú rồi. Chú cứ nghĩ rằng không nhẽ anh em ta lại chịu chết lênh đênh cả như thế này, mà phải cứu sống lấy một. Chú định để anh ăn thịt chú, chú chịu hy sinh cho anh sống. Ta khen chú điều thủy chung. Nhưng em ơi! Tử sinh là lẽ thường mà mạng em cũng như mạng anh, đều quý cả. Huống chi, chẳng lẽ chúng ta chịu nằm chết đói trên mặt nước này? Dù thế nào cũng không bao giờ nản chí...”* [6, tr.61]. Chính cuộc phiêu lưu trên đường đời đã rèn luyện để Mèn có một trái tim cao thượng, nhân ái.

Bên cạnh người bạn đường tri kỉ, Dế Mèn tiếp tục chu du đến vương

quốc đầm lầy của đại vươngẾch Cóm và thầy đồ Cóc. Ngay khi đặt chân vào đây Mèn và Trũi gặp khó khăn đầu tiên là bùn lầy trơn trượt và lún sâu. Bề mặt nước tù đọng, cây cối rậm rạp và âm thanh kỳ lạ tạo nên một không khí đáng sợ. Cư dân ở đây bằng lòng với cuộc sống trong bùn lầy nước đọng, họ tự thỏa mãn với cuộc sống đói nghèo tăm tối và khép kín: *“Đó là khoảng bãi rộng, lầy lội, bùm tum toàn giống cỏ nước. Quá phía trên, đất hơi ráo, nhưng cũng chỉ độc một thứ cây ké hoa vàng rươi. Xóm ấy xưa rày sống vất vả trong bùn lầy nước đọng. Dân cư chỉ có vài nhà Cóc, mấy anh Ênh Ương, Châu Chàng, Nhái Bén, mộtẾch Cóm và một chú Rắn Mòng. Hoặc giả cũng có thêm một vài giống nữa, nhưng cả cái xóm bùn lội đen ngòm với da dẻ chân tay loài ở bùn cũng tối om như thế, ít ai mới nhìn đã phân biệt ngay ra được”* [6, tr.63]. Ngoài ra, đầm lầy còn là nơi sinh sống của nhiều loài vật nguy hiểm. Dế Mèn và Dế Trũi phải đối mặt với những con rắn độc ẩn mình trong đám cỏ, những con cá sấu rình rập dưới mặt nước và những loài côn trùng hung dữ. Mỗi lần chạm trán là một cuộc chiến sinh tồn đầy căng thẳng. Không gian đầm lầy là một nơi ẩm ướt, tăm tối và nghèo đói. Không gian này với những cư dân như đại vươngẾch Cóm và thầy đồ Cóc cổ hủ lạc hậu đã phản ánh một xã hội khép kín thiếu sự đổi mới. Ở nơi đây những giá trị như lòng nhân ái, sự sẻ chia không tồn tại. Dế Mèn và Dế Trũi những người bạn đồng hành trong chuyến phiêu lưu suýt mất mạng khi lạc vào đây chứng tỏ rằng nơi này đầy ắp những hiểm nguy: *“Trở dậy, trông lại bờ bên ấy đã thấy cả xóm tích Nhái kéo ra. Tuy vậy, vẫn không thấy đại vươngẾch Cóm đâu. Thêm viện binh! Bốn bác Cua Núi đen sì như bốn cái xe bọc sắt to kênh, múa lên những chiếc càng rất lớn. Tưởng nếu bị càng đó cặp thì bụng tôi có thiết giáp cũng phải phòi ruột”* [6, tr.77]. Sau nhiều ngày gian nan, cuối cùng Mèn cũng đặt chân lên bờ bên kia của vùng đầm lầy. Qua hành trình này, tác giả Tô Hoài muốn khắc họa sự khắc nghiệt của thế giới tự nhiên đối với những sinh vật nhỏ bé. Đồng thời, ca ngợi lòng dũng cảm và sự kiên trì của Mèn.

Sau những gian nan ở đầm lầy, Dế Mèn và Dế Trũi tiếp tục đặt chân đến một vùng đất mới, nơi những cánh đồng hoa cỏ may trải dài bất tận:

“Hàng cây, mà lúc còn ở ngoài bãi chúng tôi trông thấy mờ xanh xanh, là cánh rừng cỏ may. Bây giờ mặt đất đương mùa hoa may. Chúng tôi đi mịt mờ dưới bóng hoa may. Trông suốt bốn phía chân trời đâu cũng phát lên một màu trắng bàng bạc, xám xám những bông hoa may. Trong rừng hoa cỏ may ấy ngụ những xóm Chuồn Chuồn” [6, tr.78]. Vùng đất hoa cỏ may trong cảm nhận đầu tiên của Dế Mèn hiện lên như một miền đất thanh bình và nên thơ. Những bông hoa nhỏ li ti, mang sắc tím hồng dịu dàng, rung rinh trong gió như thầm thì kể chuyện. Sau bao gian nan, Dế Mèn cảm thấy lòng mình dịu lại, thư thái trong khung cảnh mộng mơ ấy. Thế nhưng, vẻ đẹp ấy lại ẩn chứa không ít khó khăn: những cọng cỏ may tuy mảnh khảnh nhưng dai dẳng, cứ quấn chặt lấy chân khiến việc di chuyển trở nên chậm chạp, vất vả. Mèn và Trũi phải kiên nhẫn, tỉ mỉ gỡ từng cọng cỏ để không bị vướng víu. Thiên nhiên vừa dịu dàng vừa thử thách ấy không chỉ là một không gian, mà còn như một phép thử cho sự bền chí và trưởng thành cả hai.

Trong vùng hoa cỏ may, Dế Mèn và Dế Trũi có cơ hội gặp gỡ những cư dân mới. Cư dân nơi đây không chỉ sống trong sự tự do, phóng khoáng mà họ còn rất cởi mở, hiếu khách, giàu tinh thần thượng võ luôn mơ ước về một cuộc sống hòa bình. Tới đây, Mèn và Trũi không chỉ được tiếp đón nồng nhiệt mà còn gặp được những người bạn vô cùng tốt bụng và cùng chung chí hướng: *“Chúng tôi vừa đến, đi suốt đoạn đường, thấy các làng Chuồn Chuồn ai cũng hớn hở trong xuống áo mới tinh giữa hoa may. Họ đương sắp đi. Tôi hỏi đi đâu. Đáp rằng đi xem hội thi võ. Trên trời, Chuồn Chuồn bay sát cánh rợp cả nắng. Cậu Kim kìm gảy còm chỉ lượn được dưới thấp, nhưng cũng tung tăng ra dáng lắm. Tôi hỏi thêm thế thì như anh em chúng tôi muốn đi xem hội thi võ có được không. Đáp rằng có.”* [6, tr.80]. Dế Mèn nhận ra rằng trong cuộc sống một cá nhân không thể sống độc lập mà cần phải có sự gắn kết với cộng đồng, phải biết sẻ chia và yêu thương. Dù mang một vẻ ngoài bình yên, vùng hoa cỏ may vẫn tiềm ẩn những nguy hiểm. Những loài chim săn mồi có thể ẩn nấp giữa những bông hoa hoặc những loài côn trùng có nọc độc có thể gây nguy hiểm nếu không cẩn thận.

Dù không có những trận chiến nảy lửa, hành trình qua vùng hoa cỏ may vẫn góp phần vào sự trưởng thành của Dế Mèn, giúp cậu cảm nhận được những khía cạnh khác nhau của cuộc sống và thế giới xung quanh. Đồng thời, sau những thử thách cam go, hành trình qua vùng đất hoa cỏ may còn là biểu tượng cho sự cân bằng cần thiết trong cuộc sống. Giữa những chặng đường đầy biến động thiên nhiên dịu dàng ấy như một khoảng lặng để Dế Mèn dừng chân, nghỉ ngơi và chiêm nghiệm. Vẻ đẹp của vùng đất cỏ may gợi nhắc rằng: trên hành trình trưởng thành, những giây phút chậm lại cũng quan trọng không kém những bước tiến mạnh mẽ, vững chắc.

Dế Mèn và Dế Trũi trong cuộc phiêu lưu đã lạc mất nhau. Không còn thấy bóng bạn đâu Dế Mèn bỗng cảm thấy lòng mình rối bời, vừa lo lắng, vừa quyết tâm không bỏ cuộc. Hành trình tìm Trũi trở thành thử thách mới, đòi hỏi sự kiên nhẫn, can đảm và lòng tin vững chắc vào tình bạn để vượt qua những khó khăn trước mắt. Sau hành trình dài ngược lên phương Bắc tìm Trũi, Dế Mèn không ngờ lại rơi vào một ngã rẽ bất ngờ. Thay vì những cánh đồng rộng lớn, chuyến phiêu lưu mới mở ra một không gian tối tăm và tù túng. Từ người phiêu lưu tự do, Dế Mèn trở thành kẻ bị giam cầm, đánh dấu một bước ngoặt đầy thử thách trong cuộc phiêu lưu của mình.

Dế Mèn bất ngờ xuất hiện trong một không gian hoàn toàn mới và xa lạ: *“Cái nhà mới, hay nói cho oai, biệt thự của lão chim Trạ là một hang sâu ngòm vào giữa mô đất cát trên bờ sông”* [6, tr.119]. *“Hang sâu ngòm”* và biệt lập hoàn toàn với thế giới bên ngoài gợi lên một bóng tối dày đặc gần như tuyệt đối. Khung cảnh này không chỉ đơn thuần là một địa điểm giam giữ mà còn mang ý nghĩa tượng trưng cho sự mất tự do và những khó khăn, thử thách mà Dế Mèn đang phải đối mặt. Trong không gian ngột ngạt ấy, Dế Mèn phải chịu đựng cảnh giam cầm và cô đơn: *“Ngày cũng như đêm, tôi quanh quẩn trong hang kín”* [6, tr.121]. Để xua đi sự buồn chán và đồng thời phục vụ mục đích của kẻ bắt cóc, Dế Mèn buộc phải cất tiếng hát trong hang. Khung cảnh âm thanh lúc này trở nên đơn điệu và buồn bã với những bài hát *“cò ke chẳng ra đâu vào đâu để bọn đi ngoài kia biết hang có chủ khỏi vào nhà nhầm, để*

cậu chuột, chủ cũ có vẻ tướng trong hang lắm thứ chen chúc, nào Dế, nào chim Trá lộn xộn, cũng sợ lòi thối, không vào đòi nữa” [6, tr.121]. Tiếng hát của Dế Mèn vốn là biểu tượng cho sự lạc quan và yêu đời giờ đây lại trở thành một công cụ miễn cưỡng để phục vụ ý đồ của chim Trá. Âm thanh duy nhất phá vỡ sự tĩnh lặng của hang động lại là những âm điệu buồn bã và vô vị.

Trong không gian tĩnh lặng Mèn *“cứ hát lại mãi”*. Nhưng tiếng hát ấy lại trở thành sợi dây kết nối hai anh em Mèn và Trũi giữa muôn trùng xa cách:

- Tiếng ai như tiếng anh Mèn phải không?

Tôi vội kêu:

- Ai đó? Tôi đây! Tôi đây! Mèn đây!

Ở ngoài dội vào tiếng to hơn:

- Ôi! Ôi! Anh Mèn ư? Trũi đây! Em Trũi đây. Anh đâu? Anh đâu? Anh ở chỗ nào?

Tôi bàng hoàng cả người. Đúng tiếng Trũi. Dù xa nhau tôi vẫn không thể quên cái giọng ồ ồ của nó. Cũng như Trũi, bấy lâu dù sơn khê cách trở, Trũi vẫn nhớ ngay tiếng tôi.

Tôi bảo vọng ra:

- Anh ở đây. Anh phải tù trong đáy hang này. Có ai đương đi với em ngoài đó không?

- Thừa anh, các bạn Châu Châu Voi với bác...

Em vào cứu anh ngay tức khắc... [6, tr.123].

Cuộc hội ngộ đầy bất ngờ giữa Dế Mèn và Trũi tại hang chim Trá là một trong những khoảnh khắc xúc động của hành trình phiêu lưu. Gặp lại nhau sau bao ngày xa cách đó không chỉ là sự trùng phùng về thể xác mà còn là sự gắn kết bền chặt của tinh thần. Hành trình phiêu lưu không chỉ là thử thách mà còn là hành trình của trái tim và lý tưởng sống.

Sau khi thoát khỏi hang chim Trá, Dế Mèn tiếp tục cuộc hành trình đầy thử thách và bất ngờ. Khác với vẻ ngoài có phần xốc nổi và tự do trước đây, khi đến vương quốc Kiến, Dế Mèn đã có những trải nghiệm sâu sắc. Vương quốc Kiến hiện ra trước mắt Dế Mèn như một xã hội thu nhỏ, với sự tổ chức chặt chẽ, kỉ luật nghiêm minh. Mỗi chú Kiến đều có nhiệm vụ rõ ràng và tuân

thủ một cách tuyệt đối. Điều này hoàn toàn khác biệt với cuộc sống phóng khoáng, tùy hứng của Dế Mèn: *“Kiến có nhiều đức tính: chăm chỉ, cần cù, biết lo xa và cũng buồn nhất trần gian. Ở đâu cũng vậy, kiến xây thành đắp lũy kiên cố, riêng biệt một nơi”* [6, tr.131]. Cuộc sống nơi đây diễn ra vô cùng nhộn nhịp, hối hả. Đàn kiến nối đuôi nhau làm việc không ngừng nghỉ: *“Một con kiến nhỏ cũng có việc của nó. Không ai lười biếng, không ai bỏ trốn”*. Thành quả của quá trình làm việc chăm chỉ là hệ thống đường hầm chằng chịt, tối om nhưng rộng rãi và chắc chắn. Cuộc phiêu lưu đến vương quốc Kiến đã giúp Mèn mở rộng thế giới quan. Cậu được tiếp xúc với một nền văn minh khác biệt, một cách sống khác, giúp cậu mở mang tầm mắt và hiểu thêm về sự đa dạng của thế giới tự nhiên. Những bài học từ vương quốc Kiến đã tác động sâu sắc đến Dế Mèn, giúp cậu nhận ra những thiếu sót của bản thân và dần hình thành những đức tính tốt đẹp. Sự xúc nổi, tự mãn trong cậu dần được thay thế bằng sự chín chắn, khiêm tốn và có trách nhiệm hơn. Không chỉ vậy, Dế Mèn còn nhận ra sức mạnh của tập thể, của sự đoàn kết và hợp tác là vô cùng to lớn có thể vượt qua mọi khó khăn. Hành trình của Dế Mèn qua vương quốc Kiến không chỉ là một cuộc khám phá một vùng đất mới mà còn là một hành trình tự khám phá và trưởng thành. Những trải nghiệm tại đây đã góp phần quan trọng trong việc hình thành một Dế Mèn mạnh mẽ, mang trong mình những phẩm chất của một cá thể biết cảm thông, sẻ chia.

Có thể nói, qua hành trình Trải nghiệm của Dế Mèn và Dế Trũi, nhà văn Tô Hoài không chỉ mở ra một thế giới kỳ thú, đầy màu sắc mà còn gửi gắm những bài học sâu sắc về lòng nhân ái, tình bạn và trách nhiệm. Đôi bạn đã dịch chuyển liên tục qua nhiều kiểu không gian khác nhau và ngày càng rời ra xuất phát điểm ban đầu. Mỗi bước đường phiêu lưu của hai nhân vật lại mở ra một không gian mới, nơi chứa đựng nhiều biến cố bất ngờ đang chờ đón Mèn và Trũi thách thức họ vượt qua.

Vì vậy, không gian phiêu lưu trong *Dế Mèn phiêu lưu ký* không chỉ đơn thuần là bối cảnh để các sự kiện diễn ra mà còn giúp khắc họa rõ nét tính cách và sự trưởng thành của nhân vật. Qua đó, ta thấy một Dế Mèn ngày càng chín

chấn hơn, biết lắng nghe, biết nhận lỗi và biết sống vì người khác. Hành trình ấy không chỉ là cuộc khám phá thế giới rộng lớn bên ngoài mà còn là hành trình lặng lẽ khám phá chính bản thân, một cuộc hành trình đầy gian truân nhưng cũng giàu ý nghĩa. Nhà văn Tô Hoài đã gửi gắm một thông điệp nhân văn sâu sắc: sống là không ngừng học hỏi, vượt qua giới hạn của bản thân, biết rung động trước cái đẹp, cái thiện. Chính điều đó đã làm nên sức sống bền bỉ của tác phẩm qua bao thế hệ độc giả.

2.2.3. Không gian tâm lí

Không gian tâm lí trong tác phẩm văn học là thế giới nội tâm, tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ, những trạng thái tinh thần của nhân vật được nhà văn thể hiện một cách nghệ thuật thông qua ngôn ngữ văn chương. Nó không phải là không gian vật lí, địa lí cụ thể mà là không gian bên trong con người. Không gian tâm lí có thể được thể hiện trực tiếp qua độc thoại nội tâm, dòng ý thức của nhân vật hoặc gián tiếp qua miêu tả ngoại hình, hành động, lời nói và qua cách nhân vật cảm nhận, phản ứng với không gian xung quanh.

Trong truyện *Dế Mèn phiêu lưu ký*, nhà văn Tô Hoài cho nhân vật của mình “*tự chiếu sáng nội tâm bằng ngôn ngữ*” một cách tự nhiên, chân thực nhất. Tô Hoài đã khéo léo để cho nhân vật Dế Mèn thể hiện suy nghĩ, cảm xúc và nhận thức của cậu trong từng hoàn cảnh khác nhau.

Khi còn sống trong hang đất của mình, Dế Mèn thường tự mãn với vẻ bề ngoài cường tráng và sức mạnh của bản thân. Những lời nói của cậu thể hiện sự kiêu căng, tự phụ, coi thường, chế nhạo những người xung quanh đặc biệt là Dế Choắt yếu ớt: “*Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đặt cho nó một cách chế giễu và trịnh thượng thế. Choắt nó có lẽ cũng trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ tôi lắm*” [6, tr.7].

Tác giả đã để nhân vật chính tự nhìn lại tuổi thơ nghịch ngợm, những lỗi lầm non nớt, từ đó bộc lộ quá trình nhận thức và hoàn thiện bản thân. Cái chết thương tâm của Dế Choắt là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời Dế Mèn. Lòng hối hận và bài học về sự kiêu căng, thói hung hăng đã theo Dế Mèn suốt

hành trình phiêu lưu. Cậu tự nhủ phải sống có ý nghĩa hơn, không được ỷ mạnh hiếp yếu.

Tô Hoài không lý tưởng hóa nhân vật của mình một cách vô lý, ông để nhân vật tự mắc sai lầm, đối mặt với những điều mới lạ, những khó khăn thử thách và từ đó rút ra bài học. Rõ ràng, những sai lầm của Dế Mèn thời non trẻ là điều khó có thể tha thứ. Nhưng như một lời nhắn gửi nhân văn sâu sắc, Tô Hoài đã cho nhân vật của mình một cơ hội để sửa sai và sự nhận lỗi. Biết dừng lại để suy ngẫm mới là điều khiến Dế Mèn trở thành một hình tượng văn học đặc biệt, một nhân vật không hoàn hảo nhưng chân thực và giàu sức sống.

Bằng hình thức độc thoại xen lẫn những lời kể của Dế Mèn, người đọc không chỉ thấy được sự dằn vặt trước những lỗi lầm của tuổi trẻ bông bột, ngạo mạn mà người đọc còn thấy được tấm lòng hiếu thảo, tình cảm chân thành, thương yêu của Mèn luôn hướng về mẹ: *“Tôi nhớ từ ngày bị bắt, mình xa nhà đã lâu. Tôi chắc ngày ấy có khi mẹ tôi lại thăm hang tôi, thấy giường màn tan tành, hẳn người đã khóc không biết bao nhiêu nước mắt. Nghĩ như thế thì tôi nhớ và thương mẹ tôi lắm. Tôi là con út trong lứa sinh. Mẹ thương tôi, đã cho bao nhiêu cỏ non, lúc đem tôi đến ở hang mới”* [6, tr. 345]. Những lời độc thoại của Dế Mèn đã chứng tỏ dù ở nơi xa xôi, trên hành trình phiêu lưu gian nan vất vả Mèn vẫn luôn thầm nhớ về người mẹ kính yêu, nhớ về những điều giản dị, gần gũi thân thương, nhớ về những lời khuyên bảo của mẹ. Những lời dạy về cách sống tự lập, về tình thương yêu, sự đoàn kết đã trở thành kim chỉ nam cho hành động của Dế Mèn trong những chuyến phiêu lưu. Mỗi khi gặp khó khăn, hình ảnh người mẹ hiền từ lại hiện về, tiếp thêm sức mạnh cho cậu. Dế Mèn giờ đây không chỉ nghĩ cho riêng mình mà cậu đã biết sống vì người khác, là đứa con ngoan, sống với tình thương yêu và lòng biết ơn sâu sắc.

Vốn được xem như nền tảng đầu tiên cho hành trình trưởng thành, ngay từ thuở ấu thơ, Dế Mèn đã mang trong mình đức tính tự lập. Mèn may mắn được thừa hưởng từ dòng họ mình truyền thống sống độc lập, tự giác. Mèn vui vẻ tiếp nhận và cậu còn tự hào về điều đó: *“Tôi sống độc lập từ thuở bé.*

Ấy là tục lệ lâu đời trong họ để chúng tôi.” [6, tr.3]. Sinh ra cùng một lứa với hai người anh, được hai ngày thì mẹ cho ba anh em ra ở riêng. Dế Mèn dù là *“em út, bé nhất”* khi ấy cũng rời vòng tay mẹ để tự mình sống độc lập. Dế Mèn bước vào đời bằng một tâm thế chủ động, bản lĩnh. Cậu không ỷ lại, cũng không tỏ ra yếu đuối hay cần được bao bọc. Trái lại, Mèn sớm bộc lộ tinh thần độc lập mạnh mẽ và đầy phấn khích trước cuộc sống tự do của riêng mình: *“Tôi cũng không buồn. Trái lại, còn lấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ”* [6, tr.4]. Cảm giác tự lập ấy không hề hơi hợt mà xuất phát từ một ý thức sâu sắc về trách nhiệm cá nhân. Lúc đã một mình một hang Mèn đã biết: *“Từ đây, tôi bắt đầu vào cuộc đời của tôi. Cho dù tôi sẽ sung sướng hay tôi khổ sở, cái đó tùy ở như tính tình tôi khôn ngoan hay đần độn”* [6, tr.4]. Từ nhận thức ấy Dế Mèn không chỉ hài lòng với sự tự do mà còn nâng niu nó biến nó thành phương châm sống: *“Mà hãy lấy sự được ung dung độc lập một mình là điều thích lắm rồi”* [6, tr.4]. Với những dòng tự bạch say mê và thành thực suy nghĩ và tâm lí của Dế Mèn cho thấy ngay từ ấu nhi đã có đức tính độc lập. Đức tính đó được nuôi dưỡng, cắt chiết từ gia đình và phải rèn rũa qua sự tự giác của bản thân.

Không chỉ vậy, nhà văn Tô Hoài còn để cho nhân vật tự bộc lộ qua những dòng tự bạch thành thực để khắc họa một chàng dế không chỉ có dáng vẻ oai vệ mà còn có chiều sâu tâm hồn. Từ tâm thế sống độc lập ấy Dế Mèn tiếp tục bộc lộ một ý thức rèn luyện bản thân rất đáng trân trọng. Mèn không chỉ chăm lo đến suy nghĩ, đến cách sống mà còn ý thức được vai trò của sức khỏe như một điều kiện cần thiết cho hành trình khẳng định mình. Chàng dế thanh niên ấy biết: *“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt”* [6, tr.6]. Dáng đi của Mèn cũng mang nét vững chãi, mạnh mẽ gợi nên một phong thái tự tin của tuổi trẻ: *“Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu”* [6, tr.6]. Nhà văn Tô Hoài đã sử dụng bút pháp lý tưởng hóa để

xây dựng hình ảnh Dế Mèn như một biểu tượng của tuổi trẻ vừa mạnh mẽ, vừa đẹp đẽ về hình thể vừa phong phú, sôi nổi trong đời sống tinh thần. Đây cũng là điều mà nhà văn Tô Hoài hướng tới cho trẻ em: Thể lực là nền tảng khởi đầu để làm nên cuộc sống. Giá trị của sức khỏe sẽ chi phối giá trị của trí tuệ và khát vọng.

Qua hình tượng Dế Mèn nhà văn không chỉ gửi gắm một mẫu hình lý tưởng cho thiếu nhi mà còn truyền đi thông điệp về sự cần thiết của đức tính tự lập trong hành trình khôn lớn. Trong không gian tâm lý này với Dế Mèn độc lập không phải là sự cô đơn mà là một cách khẳng định giá trị bản thân và là nền tảng đầu tiên để khám phá thế giới và thực hiện những khát vọng cao đẹp của đời mình.

Dế Mèn còn nhỏ nhưng đã sớm bộc lộ tình yêu lao động và sự lo toan, dự phòng cho cuộc sống tương lai. Không thụ động bằng lòng với cái tổ tạm thời mà mẹ dựng cho, Dế Mèn thấy rằng cần phải củng cố nó. Cậu chủ động mở rộng chỗ ở bằng tất cả sự chăm chỉ, say mê của mình: *“Ngày nào cũng vậy, suốt buổi, tôi chui vào trong cùng hang, hì hục đào đất để khoét một cái ổ lớn làm thành cái giường ngủ sang trọng. Rồi, cũng biết lo xa như các cụ già trong họ dế, tôi đào hang sâu sang hai ngã làm những con đường tắt, những cửa sau, những ngách thượng, phòng khi gặp việc nguy hiểm, có thể thoát thân ra lối khác được”* [6, tr.5]. Qua những lời độc thoại chân thực của Dế Mèn, chúng ta thấy Mèn rất thông minh và sớm biết nhìn xa trông rộng, biết nghĩ đến tương lai, điều mà không phải ai cùng trang lứa như Mèn cũng nghĩ đến và thực hiện được. Nhìn từ góc độ không gian tâm lý, hành trình chuyển hóa nội tâm của Dế Mèn chính là hành trình từ *“cái tôi bản năng”* đến *“cái tôi nhân văn”*. Đó không phải một sự lột xác dễ dàng mà là kết quả của sự chiêm nghiệm đầy đau đớn, của những mất mát và va vấp không thể né tránh.

Tô Hoài đã xây dựng Dế Mèn thành hình tượng tiêu biểu cho sự đổi thay và trưởng thành. Tâm hồn của Mèn giờ đây không phải là sự dằn vặt để đắm chìm trong mặc cảm mà là nỗi day dứt mang sức mạnh thanh lọc và tái sinh tinh thần. Sự thành thật với chính mình thể hiện rõ qua tâm thức ấy,

khiến người đọc cảm nhận được tính nhất quán trong hành trình phát triển nội tâm của nhân vật. Sự hồi hận ấy không làm Dế Mèn yếu đuối mà trái lại nó trở thành nền tảng để xây dựng một nhân cách mới: khiêm nhường, chân thành và biết tôn trọng mọi người. Dế Mèn tự bạch: *“Tôi chẳng may may thù oán bác Xiển Tóc, mà tôi còn phục bác là người tài giỏi, bụng dạ rộng rãi, đường đường một đấng anh hào, côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài, tôi đã học được ở bác ấy nhiều điều lắm”* [6, tr.104]. Lời nói của Mèn là kết tinh của sự chín chắn, biểu hiện cho cái nhìn rộng mở và bao dung.

Từ một chàng dế non nớt loạn, giờ đây Mèn trở thành một người bạn đáng tin cậy, giàu lòng nhân ái và luôn hướng đến những điều tốt đẹp. Để hoàn thiện hơn cho nhân vật của mình qua không gian tâm lí, bên cạnh việc khắc họa ngôn ngữ độc thoại đan xen sự hồi tưởng, Tô Hoài còn chú ý đến việc miêu tả nội tâm nhân vật qua tinh thần lạc quan bền bỉ và một khát vọng được bước tới một thế giới rộng lớn bên ngoài. Dù đã trải qua những nỗi đau, những mất mát Mèn vẫn giữ trong mình một tâm hồn tươi trẻ điều hiếm thấy ở những người từng lầm lỡ và từng chịu tổn thương. Dế Mèn vẫn vẫn hát, hát cả lúc cuộc sống yên bình lẫn lúc khốn đốn: *“Những bài hát mới, những bài hát ai oán thân phận, những bài hát tâm sự, những bài hát mang hy vọng xa:*

Ai làm chi nổi

Có đại mới nên khôn

Nước nước với non non

Năm canh hồn ngơ ngác

Ngày kia, như lệ thường, lão chim Trĩ bay ra sông, kiếm ăn từ sáng sớm. Tôi bâng khuâng hát đi hát lại:

Nước nước với non non

Năm canh hồn ngơ ngác.

Mình lại nghe tiếng hát của mình chìm vào bóng tối, lòng tôi lìm lìm thấm thía và cứ hát lại mãi” [6, tr.122].

Ở đây, tiếng hát của Mèn không chỉ thể hiện niềm vui của riêng chú mà còn có khả năng lan tỏa sự lạc quan đến môi trường xung quanh. Âm nhạc trở

thành một phương tiện để Dế Mèn kết nối và tạo ra sự hài hòa với không gian quanh mình.

Tô Hoài rất tinh tế khi xây dựng chi tiết nghệ thuật này như một tín hiệu thẩm mỹ cho thấy vẻ đẹp tâm lý của Mèn. Trong lúc hiểm nguy, bên bờ vực của cái chết Dế Mèn vẫn hát. Tiếng hát đó không còn là hành động vô thức mà là biểu hiện rõ ràng của bản lĩnh nội tâm, hát để tìm lối thoát, hát để giữ niềm tin, hát để xua đi cái buồn nản: *“Lòng tin và hi vọng ở với tôi, an ủi tôi, xua đuổi cái buồn nản trong tôi đi”*. Xây dựng chi tiết nghệ thuật này Tô Hoài muốn khẳng định rằng: tinh thần lạc quan là liều thuốc tốt nhất để con người có thể xoa dịu những nỗi đau, sự mất mát để hướng tới một tương lai tốt đẹp. Lạc quan là một thái độ sống tích cực cần có ở mỗi người.

Trong *Dế Mèn phiêu lưu kí*, không gian tâm lý không chỉ được nhà văn Tô Hoài thể hiện qua độc thoại nội tâm, sự hồi tưởng và tinh thần lạc quan mà không gian tâm lý còn thể hiện sâu sắc qua những khát vọng của Dế Mèn. Qua đó phản ánh sự phát triển nội tâm và những thay đổi trong nhận thức của nhân vật. Ban đầu, không gian tâm lý của Dế Mèn bị giới hạn trong hang đất nhỏ bé. Khát vọng khám phá thế giới bên ngoài tạo ra một sự thôi thúc mạnh mẽ, một cảm giác chật chội và mong muốn được giải phóng khỏi sự tù túng về mặt không gian vật lý, đồng thời mở rộng không gian tâm lý: *“Tôi muốn đi đây đi đó cho biết thiên hạ để xem những người ở lảng giềng mình họ ăn ở ra sao”* [6, tr.35]. *“Dẫu sao, trong mấy ngày qua, tôi cũng nảy ra một ý nghĩ tốt đẹp là đã được thấy mặt đất này bao la, không phải chỉ có cái bờ ruộng, cái đầm nước của quê mình”* [6, tr.35]. Từ hoàn cảnh trói buộc Dế Mèn lại nhận ra khát vọng tự do trong mình đang lớn dần: *“Có phải trong cảnh trói buộc lại hay có những ao ước phóng khoáng chăng?”* [6, tr.35] và *“Phong cảnh non nước thì bao giờ cũng chờ đón và thúc giục ta hãy vui chân lên, hãy cố đi cho khắp thế gian, đời trai mà không biết bay nhảy, không biết đó biết đây thì cuộc sống sẽ nhạt nhẽo lắm”* [6, tr.35]. Những suy nghĩ trên của Mèn đã thể hiện rõ khát vọng khám phá, mở mang kiến thức về thế giới xung quanh. Mèn

nhận thức được sự nhỏ bé của bản thân so với sự rộng lớn của thế giới và mong muốn được trải nghiệm những điều mới mẻ.

Sau cái chết của Dế Choắt, tâm lí của Dế Mèn chuyển sang trạng thái dằn vặt, hối hận và ý thức được trách nhiệm về hành động của mình. Khát vọng chuộc lỗi và trở thành một người tốt hơn đã mở ra một không gian tâm lí mới, sâu sắc và trưởng thành hơn: *“Nào tôi có biết đâu cơ sự lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm! Tôi hối lắm!”* [6, tr.13]. Mèn đã thật sự nhận ra sai lầm và quyết tâm thay đổi tính cách, sống tốt hơn để không phụ lòng trông chờ của Dế Choắt: *“Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy”* [6, tr.13]. Sự dằn vặt và quyết tâm lên đường phiêu lưu để học hỏi là biểu hiện của một không gian tâm lí đang trải qua sự thay đổi lớn, từ nông nổi sang chín chắn. Đặc biệt, trong tận cùng của đau khổ, của mất mát lớn lao, người mẹ kính yêu của Mèn đã khua tay Mèn đã gượng đứng lên: *“Nhưng buồn nhất, mẹ tôi cũng đã khua tay”*. *“Tôi ra viếng mộ người bên đầm nước. Nhớ đến lời người, khi sinh thời. Mẹ ơi! Lá vàng thì lá rụng, sự xoay vần tự nhiên, muôn loài chưa ai cưỡng lại được, con vì thế mà buồn, nhưng con vẫn ân hận rằng lần này trở về không còn được quỳ ôm đôi cẳng gầy yếu của mẹ kính mến mà kể lại những ngày luân lạc và những công việc con đã làm ích cho đời để mẹ nghe”* [6, tr.152]. Lời nói đầy xót xa ấy cho thấy Dế Mèn là một người con hiếu thảo mang nặng tình mẫu tử và tiếc nuối vì không kịp báo hiếu. Tuy nhiên, nỗi buồn ấy không làm Dế Mèn gục ngã. Cậu vẫn giữ trong lòng khát vọng sống: *“Đó sẽ là cuộc phiêu lưu hoà bình, chúng tôi sẽ đi hết thì giờ xem xét phong tục, nghiên cứu văn hoá và thổ ngơi từng vùng. Chúng tôi có thể thành nhà khảo cổ, nhà địa lý, nhà kinh tế, nhà thơ nổi tiếng cũng nên”* [6, tr.153]. Dấu hiệu của một tâm hồn đã trưởng thành không còn khao khát phiêu lưu để chứng tỏ mình mà hướng đến giá trị nhân văn.

Từ một chú dế chỉ biết quanh quẩn trong *“bờ ruộng”*, Dế Mèn giờ đây đã mở rộng không gian sống và suy nghĩ của mình ra thế giới rộng lớn.

Tinh thần ham học hỏi, tinh thần cầu thị và một hoài bão thăm sâu vượt xa khỏi chiếc hang nhỏ ẩm áp đầu đời ấy đã trở thành một tầng sâu quan trọng trong tâm lý của Dế Mèn nơi lưu giữ giấc mơ lớn của tuổi trẻ.

Trong hành trình phiêu lưu, Dế Mèn luôn hướng đến giá trị của lao động và sự học hỏi. Mèn ngưỡng mộ loài Kiến một giống loài nhỏ bé mà lại có mặt ở khắp nơi: *“Từ xó bếp đến bàn ăn, chiếu ăn, mâm ăn, từ đồng ruộng đến rừng núi, trên tàu biển, trên xe lửa, có khi cả trên máy bay cũng nên, không đâu không có kiến”* [6, tr.30-31]. Bởi theo Mèn *“Kiến tí hon mà Kiến đi khắp thế giới”*. Sự nhìn nhận của Mèn về loài Kiến không chỉ có sự trân trọng đối với một tập thể biết tổ chức, chăm chỉ và cần cù mà còn là tiếng vọng từ nội tâm khao khát vươn ra ngoài tiếp cận với thế giới bao la, phong phú.

Mèn không ngại khó, ngại khổ mà sẵn sàng đối mặt với thử thách. Mèn từng khẳng định đầy bản lĩnh: *“Chân trời xa kia chắc có nhiều cái lạ”*. Chính vì thế, Dế Mèn không thể nào đồng tình với lối sống buông thả, vô trách nhiệm. Những nhân vật như Ve Sầu, Bướm, Xiến Tóc vốn chỉ biết *“nhảy múa hát ca”*, *“ăn hại, trốn việc”* đều khiến Mèn ngáy ngẫm và bức bối. Tô Hoài rất tinh tế khi để nhân vật thể hiện rõ quan điểm sống của mình. Quan điểm sống ấy còn được phản ánh gián tiếp qua lời nhận xét chân thành của Dế Trũi: *“Em biết tính anh, trước cảnh ăn chơi đông dài anh không chịu được”*. Từ những chiêm nghiệm đó, Dế Mèn đi tới một chân lý sống có chiều sâu: Sống ở đời có biết đi đây đó, biết làm việc thì mới là đáng sống. Câu nói ấy không chỉ là châm ngôn sống của Mèn mà còn là lời nhắn gửi của Tô Hoài tới bao thế hệ độc giả trẻ thơ rằng: con người cần sống có lý tưởng, có mục đích và không ngại dấn thân để vươn tới chân trời rộng lớn. Cuộc sống phải là một hành trình tìm kiếm và cống hiến. Mơ ước là điều cần có nhưng quan trọng hơn cả là biết biến mơ ước thành hành động thiết thực.

Những khát vọng của Dế Mèn trong *Dế Mèn phiêu lưu ký* rất đa dạng, từ những mong muốn cá nhân như khám phá thế giới và khẳng định bản thân đến những khát vọng mang tính cộng đồng và nhân văn sâu sắc như xây dựng tình bạn, đoàn kết và hướng tới một thế giới hòa bình. Chính những khát vọng

này đã tạo nên một hành trình phiêu lưu đầy ý nghĩa và sự trưởng thành đáng quý của nhân vật Đế Mèn.

Thông qua nhân vật Đế Mèn với những phân đời khác nhau nhà văn Tô Hoài đã khắc họa tính cách chú đế vừa sinh động, vừa độc đáo. Đế Mèn là chú đế khoẻ mạnh trọng sự tự lập, có tâm hồn phong phú và trong sáng, có khát vọng sống và đặc biệt rất trọng tình bạn. Qua từng biến cố và trải nghiệm, Đế Mèn dần vượt qua sự kiêu căng, bồng bột để hướng tới sự trưởng thành biết đồng cảm, sẻ chia và ước mơ xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Hành trình tâm lý ấy không chỉ làm nên sức sống lâu bền cho nhân vật mà còn gửi gắm thông điệp nhân văn sâu sắc của Tô Hoài về quá trình lớn lên của mỗi con người giữa cuộc đời rộng lớn.

Kết luận chương 2

Có thể nói, trong *Đế Mèn phiêu lưu ký*, Tô Hoài đã xây dựng một không gian nghệ thuật giàu sức gợi. Ba không gian: đời thường, phiêu lưu và tâm lí hòa quyện, soi chiếu lẫn nhau đã góp phần vào quá trình nhận thức, trưởng thành về tâm lí và tính cách đầy màu sắc của Đế Mèn. Nếu không gian đời thường là nơi gieo mầm cho cá tính: một chú đế kiêu căng, mạnh mẽ nhưng hồn nhiên và ngây thơ; không gian phiêu lưu mở ra bao thử thách là nơi Đế Mèn va chạm với cuộc đời rộng lớn, tiếp xúc với muôn cảnh đời và dân thức tỉnh trước nỗi đau, sự bất công, vẻ đẹp và lý tưởng thì không gian tâm lí sâu lắng hơn cả, dòng chảy thâm lặng nhưng mãnh liệt trong nội tâm nhân vật, nơi những dằn vặt, hối lỗi, đồng cảm và khát vọng sống cao đẹp dần hình thành. Qua từng bước chân phiêu lưu, Đế Mèn đã tự hoàn thiện mình và trở thành biểu tượng của một tâm hồn biết sống vì người khác, biết mơ ước và cống hiến. Chính sự kết hợp hài hòa giữa ba kiểu không gian ấy đã góp phần làm nên chiều sâu nhân văn và sức sống bền bỉ cho *Đế Mèn phiêu lưu ký*.

KẾT LUẬN

Mỗi tác phẩm văn học ra đời đều gắn chặt với một không gian nghệ thuật cụ thể. Mỗi hình tượng nghệ thuật đều tồn tại trong một không gian nghệ thuật nhất định. Và không gian nghệ thuật trở thành một trong những đối tượng phản ánh phổ biến của tác phẩm văn học, một phạm trù mang tính thẩm mỹ sâu sắc. Không gian nghệ thuật không những tạo bối cảnh cho nhân vật xuất hiện, hành động, biểu hiện phẩm chất, tính cách mà còn giúp nhà văn gửi gắm những tình cảm, quan điểm, tư tưởng có ý nghĩa quan trọng về cuộc sống, về con người, về nghệ thuật.

Một đời cầm bút đi, chiêm nghiệm và viết, nhà văn Tô Hoài được các nhà nghiên cứu đánh giá là một “*cây đại thụ*” của văn học thiếu nhi Việt Nam. Ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trên những trang văn bằng việc kiến tạo một thế giới loài vật đầy màu sắc và gần gũi, nơi những bài học nhân văn sâu sắc được truyền tải một cách tự nhiên và hấp dẫn. Sự đa dạng trong thể loại sáng tác của Tô Hoài đã làm phong phú thêm vườn văn học thiếu nhi và những tác phẩm của ông đã trở thành một phần không thể thiếu trong hành trang trưởng thành của nhiều thế hệ trẻ Việt Nam.

Dế Mèn phiêu lưu ký là một cuốn truyện hay, một tác phẩm văn học quý giá, một người bạn đồng hành cùng trẻ em trên con đường lớn lên. Nó không chỉ giúp các em giải trí mà còn là một bài học giáo dục về tình bạn, về lòng trắc ẩn, về sự tự trọng, về sự trưởng thành và lòng dũng cảm, nuôi dưỡng tâm hồn và khuyến khích các em phát triển tư duy độc lập.

Không gian nghệ thuật trong *Dế Mèn phiêu lưu ký* đã góp phần tạo nên một bức tranh sinh động và đa chiều về thế giới loài vật nhỏ bé. Không gian đời thường làm nền tảng chân thực, nơi tính cách và những mâu thuẫn ban đầu của Dế Mèn được hình thành. Bước vào không gian phiêu lưu, những trải nghiệm mới mẻ, bất ngờ đầy thử thách đã tôi luyện Dế Mèn, giúp cậu khám phá thế giới rộng lớn và nhận ra những bài học trong cuộc sống. Bên cạnh đó, không gian tâm lý đi sâu vào nội tâm nhân vật. Những lời độc thoại nội tâm đầy suy tư, những hồi tưởng chân thành và những ước vọng lạc quan đã góp

phần khắc họa rõ nét hành trình nhận thức, sự hối lỗi và quá trình trưởng thành trong tâm hồn Đế Mèn. Từ một chú đế kiêu căng, hiếu thắng Đế Mèn dần biết suy ngẫm, biết ăn năn và biết sống trách nhiệm với người khác – một sự chuyển biến sâu sắc mang đậm tính nhân văn. Qua đó, tác phẩm gửi gắm nhiều bài học ý nghĩa về cuộc sống, về tình bạn, lòng bao dung và lẽ phải. Sự kết hợp hài hòa giữa ba không gian nghệ thuật: không gian đời thường, không gian phiêu lưu và không gian tâm lí không chỉ tạo nên một thế giới sinh động, giàu màu sắc cho câu chuyện mà còn làm nổi bật chiều sâu tư tưởng và thông điệp nhân văn mà Tô Hoài muốn gửi gắm. Chính sự hòa quyện tinh tế ấy đã góp phần tạo nên sức hấp dẫn bền vững của *Đế Mèn phiêu lưu ký* đưa tác phẩm trở thành một dấu ấn đặc biệt trong văn học thiếu nhi Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

1. Phạm Thị Vân Anh (2013), *Phong cách Tô Hoài qua truyện viết cho thiếu nhi*, Luận văn thạc sĩ, ĐH KHXH & NV Hà Nội, Hà Nội.
2. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (1998), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
3. Cao Minh Hằng (2000), *Nhà văn Tô Hoài với mảng truyện loài vật*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thái Hòa (2000), *Những vấn đề thi pháp của truyện*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
5. Tô Hoài (1968), Tôi viết đồng thoại “Dế Mèn, chim gáy, bò nông”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (10).
6. Tô Hoài (1998), *Dế Mèn phiêu lưu ký*, Nxb Văn học, Hà Nội.
7. Dương Thị Hương (2008), *Giáo trình cảm thụ văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
8. Phương Lựu (2009), *Lý luận văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
9. Lã Thị Bắc Lý (2011), *Giáo trình Văn học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Ngọc Mai (2011), *Không gian và thời gian nghệ thuật trong tập thơ Về Kinh Bắc của Hoàng Cầm*.
11. Hoàng Phê (2002), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
12. Vũ Quân Phương (1994), “Tô Hoài – văn và đời”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (8)
13. Võ Xuân Quế (1990), “Ngôn ngữ một vùng quê trong các tác phẩm đầu tay của Tô Hoài”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (5).
14. Trần Đình Sử (2004), *Lý luận văn học* tập 2, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
15. Trần Đình Sử (2004), *Dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội
16. Cao Đức Tiến, 2005, *Giáo trình Văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
17. Mạc Anh Tuấn (2015), *Quá trình tiếp nhận tác phẩm của Tô Hoài*, Luận văn thạc sĩ ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
18. Nguyễn Thị Thu Trang (2015), *Không gian nghệ thuật trong tập truyện ngắn “Tiếng đàn môi sau bờ rào đá” của Đỗ Bích Thủy*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.

19. Đỗ Trung (2019), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 3*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
20. Bùi Thanh Truyền (chủ biên) (2009), *Thi pháp trong văn học thiếu nhi*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
21. Trần Ngọc Vương, Trịnh Bá Đình, Nguyễn Thu Thủy (2004), *Cấu trúc văn bản nghệ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

2/ Tiếng Anh

22. Robert Louis Stevenson (1883), *Treasure Island*, Cassell and Company, London.
23. Clouds and Waves (1913), *Rabindranath Tagore*, The Crescent Moon, India.

3/ Website

24. <https://www.baodaklak.vn/channel/9803/202009/nhan-100-nam-ngay-sinh-nha-van-to-hoi-1920-2020-to-hoi-va-kiet-tac-truyen-dong-thoi-de-men-phieu-luu-ky>
ngày truy cập: ngày 20/11/2024.
25. <https://nxbkimdong.com.vn/blogs/su-kien/phuong-lan-to-hoi-nha-van-cua-moi-lua-tuoi>
ngày truy cập: ngày 16/12/2024.
26. <https://vnexpress.net/to-hoi-hat-ngoc-cua-lang-van-viet-nam-3013933.html>
ngày truy cập: ngày 17/02/2025.
27. <https://www.baoquangbinh.vn/van-hoa/201907/nha-van-to-hoi-cay-dai-thu-van-chuong-mot-doi-can-cu-di-va-viet-2168281/> ngày truy cập: ngày 20/3 /2025.
28. <https://www.qdnd.vn/van-hoa/van-hoc-nghe-thuat/doi-van-rong-dai-cung-dat-nuoc>
ngày truy cập: ngày 20/04/2025.

